

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * * * -----

UBND HUYỆN THANH TRÌ
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 05/TP-KTHTĐT

ngày 28 tháng 3 năm 2025

Ký tên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN DỰ ÁN: TU BỒ, TÔN TẠO DI TÍCH ĐÌNH ĐẠI LAN, XÃ DUYÊN HÀ, HUYỆN THANH TRÌ

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THANH TRÌ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG NAM HỒNG HÀ

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ DUYÊN HÀ, THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

C.TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIỆT NAM

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Số: 25 ngày 25 tháng 3 năm 2025

Cán bộ TT: 


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- * * *

UBND HUYỆN THANH TRÌ
QUANG MINH TÈ, HÀ TĂNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....05...../TĐ-KTHTĐT
ngày...28...tháng...3...năm 2025
Ký tên: 

THUYẾT MINH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

TÊN DỰ ÁN: TU BỒ, TÔN TẠO DI TÍCH ĐÌNH ĐẠI LAN, XÃ DUYÊN HÀ, HUYỆN THANH TRÌ

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THANH TRÌ


ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG NAM HỒNG HÀ

ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ DUYÊN HÀ, THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

~~CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIỆT NAM~~

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Số: 25 ngày 25 tháng 3 năm 2025

Cán bộ TT: 

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Bình Phúc

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
Đào Trường Sơn

UBND HUYỆN THANH TRÌ
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:.....05...../TP-KTHTĐT
ngày 28 tháng 3 năm 2025.
Ký tên:

THUYẾT MINH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Tên dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì

Địa điểm: Xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

I. CÁC CĂN CỨ LẬP DỰ ÁN TU BỔ DI TÍCH

1. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Căn cứ Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001/QH10, Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;
- Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh;
- Căn cứ Nghị định số 05/VBHN-BXD ngày 12/07/2023 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 06/VBHN-BXD ngày 14/08/2023 của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;
- Căn cứ Quyết định 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một

C. TỶ CỐ TỬ VĂN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VIỆT NAM
HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA
Số: 25 ngày 25 tháng 3 năm 2025
Cán bộ TT: [Signature]

số dự án sử dụng vốn đầu tư công huyện quản lý và danh mục các dự án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 về việc cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện Thanh Trì;

- Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về chủ trương thực hiện tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp các di tích lịch sử trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2026;

- Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 và số 39/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện quản lý;

- Quyết định số 100-VH/QĐ ngày 21/01/1989 của Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc công nhận di tích lịch sử văn hóa đình, chùa Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì;

- Căn cứ Văn bản số 184/BVHTTDL-DSVH ngày 19/01/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định Dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Lan, TP.Hà Nội;

- Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/06/2024 của HĐND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công nhân sách huyện quản lý;

- Căn cứ Văn bản số 86/SVHTT-QLDSVH ngày 10/01/2025 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì;

- Căn cứ hiện trạng di tích,

2. CĂN CỨ KHOA HỌC

Căn cứ Bản vẽ khảo sát hiện trạng tỷ lệ 1/500 do Chủ đầu tư cung cấp;

Căn cứ Hồ sơ khảo sát hiện trạng kiến trúc công trình do Công ty cổ phần Kiến trúc Xây dựng Nam Hồng Hà lập;

Căn cứ biên bản xin ý kiến đồng thuận của nhân dân;

Căn cứ các Quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn hiện hành.

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH VÀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA, KHOA HỌC, THẨM MỸ CỦA DI TÍCH

1. TÊN GỌI

Đình Đại Lan là tên gọi theo địa danh của làng. Ngoài ra di tích không còn tên gọi nào khác..

2. ĐỊA ĐIỂM PHÂN BỐ, ĐƯỜNG ĐẾN DI TÍCH

a. Địa điểm phân bố di tích

Khu di tích Đại Lan thuộc thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

Tên gọi Đại Lan được ghi trong sử sách cùng với danh nhân Nguyễn Thu Bô khi ông đỗ bảng nhãn khoa thi năm Đại Bảo thứ 3 (1442). Trong mấy thế kỷ thời Lê, Đại Lan thuộc huyện Thanh Đàm xứ Sơn Nam. Vào những năm cuối Lê, nước sông Hồng đổi dòng, đất làng sụt lở, dân làng Đại Lan chuyển sang bờ Bắc thành Đại Lan chân xã, thuộc huyện Văn Giang, phủ Thuận An, sau thuộc tỉnh Bắc Ninh. Sau làng lại chuyển về bờ Nam, đời vua Duy Tân (1907-1916) đổi làm xã Đại Lan, thuộc tổng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Đời vua Khải Định (1916-1925), Đại Lan nhập với xã Tranh Khúc, Văn Uyên thành xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Năm 1961, huyện Thanh Trì sát nhập về Hà Nội.

b. Đường đến di tích

Đại Lan là một thôn nhỏ nằm ngay bên bờ hữu bờ sông Hồng, cách khu trung tâm Thủ đô Hà Nội gần 20km về phía Đông Nam. Để đến được di tích (bằng phương tiện ô tô), khách thăm theo đường quốc lộ số 1 tới thị trấn Văn Điển, về phía tay trái có đường đá nhỏ (nối qua bệnh viện, đài phát thanh của huyện...) chạy thẳng ra đê sông Hồng, tới đê là đường đất dẫn ra các làng ven sông, theo con đường này khoảng 1km gặp đường rẽ nhỏ, hai bên trồng nhãn, đi tiếp đoạn đường này là tới làng Đại Lan. Khu di tích nằm ngay đầu làng.

c. Giá trị Văn hoá - Khoa học- nghệ thuật

Khu di tích Đại Lan có quy mô kiến trúc không lớn, niên đại còn của di tích tuy muộn nhưng vẫn mang giá trị lớn về mọi mặt xứng đáng được trân trọng, giữ gìn. Là một quần thể kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng làng xã, chùa và đình Đại Lan mang nội dung nhiều mặt và có tác động tích cực trong phạm vi rộng hẹp khác nhau, nổi bật nhất về mặt lịch sử.

Giá trị lịch sử của di tích tập trung chủ yếu trong ngôi đình làng, nhất là ở các vị thần hoàng được thờ. Lúc ban đầu, làng thờ ba vị đại vương là Linh hồ, Minh Chiêu và Cương Mục sống dưới thời Hùng vương. Truyền thuyết và thần phả còn ghi rõ chiến công oanh liệt trong việc ngăn chặn làm sóng bành trướng của phương Bắc xuống nước Văn Lang trên vùng đất tổ. Những nhân vật lịch sử thời Hùng vương được tôn thờ ở nước ta có giá trị như sự khởi đầu cho truyền thống yêu nước, bảo vệ độc lập dân tộc, từ ngọn nguồn tốt đẹp đó các thế hệ người Việt Nam kế tiếp nhau ra sức giữ gìn, bảo vệ son sông gấm vóc.

Truyền thống dân gian về ba nhân vật thời Hùng Vương là những tư liệu quý góp phần soi tỏ nhiều vấn đề buổi bình minh của lịch sử dân tộc, qua sự tích ba vị Thành Hoàng làng Đại Lan có thể hiểu hơn sự tự cư, ra đời của các làng xã cổ ở

khu vực này, hiểu thêm về đất nước và con người Việt Nam trong giai đoạn dựng nước và giữ nước đầu tiên.

Đầu thế kỷ 15, Đại Lan đã sinh ra một danh nhân lớn của Thủ đô và cả nước: Nguyễn Như Đồ. Là người tài cao, học giỏi, năm 19 tuổi ông đã đỗ Bảng Nhãn và bắt đầu làm quan trong triều. Trong mấy chục năm phục vụ, ông đã đảm nhiệm nhiều công việc khác nhau: Chính trị, quân sự, giáo dục, ngoại giao... ở cương vị nào ông đều có những cống hiến xuất sắc, được phong tới hàng cực phẩm, Thượng thư, Thái bảo Lan Quận công. Trong cuộc đời hoạt động chính trị, Nguyễn Như Đồ đã góp phần đáng kể cho việc phòng thịnh của đất nước thời Lê sơ, ghi nhận dự đóng góp của ông, các sử gia phong kiến đã hết lời ca ngợi.

Nguyễn Như Đồ còn được biết đến với tư cách là nhà thơ lớn trong văn đàn Việt Nam. Trong sách Toàn Việt thi lục, Lê Quý Đôn đã chọn in sáu bài thơ của ông. Nhà sử học Phan Huy Chú cho biết, Nguyễn Như Đồ cũng có những đóng góp lớn lao, ông đã nhiều năm làm Tế tửu Quốc Tử Giám. Trong thời gian ở cương vị này, Nguyễn Như Đồ đã làm tốt công tác đào tạo nhân tài, bảo vệ và mở rộng Quốc Tử Giám.

Nguyễn Như Đồ là một danh nhân lớn của thủ đô và cả nước, sự hiện diện của ông trong ngôi đình quê hương đã đưa khu di tích Đại Lan trở thành di tích lịch sử quan trọng, di tích tưởng niệm danh nhân đất nước.

3. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỰ KIỆN NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Đại Lan là một làng cổ có quá trình tạo dựng rất lâu đời. Khẳng định bề dày lịch sử của làng là hệ thống truyền thuyết dân gian về vạ chài thời Hùng Vương trước làn sóng bành trướng của phong kiến phương Bắc.

Đại Lan cũng là làng có truyền thống văn hóa lâu đời, một làng khoa cử với nhiều người đỗ đạt cao, nổi tiếng nhất là danh nhân Nguyễn Như Đồ.

Do điều kiện tự nhiên bờ sông Hồng thay đổi dòng chảy nhiều lần nên hồi cuối Lê và Nguyễn, làng đã phải chuyển dịch nhiều lần. Cứ mỗi lần di chuyển, các kiến trúc văn hóa, tôn giáo của làng lại theo chân con người đến nơi ở mới. Phác qua đôi nét về quá khứ của làng để làm rõ hơn về nội dung, đặc điểm của khu di tích Đại Lan.

Các vị thần của làng được thờ tại đình, nghè (văn chỉ) gồm có tam vị thánh thời Hùng, danh nhân đất nước Nguyễn Như Đồ, 18 vị khoa bảng ở địa phương và Bà Chúa Dâu Tằm. Xưa kia, mỗi nhân vật tọa lạc trong những kiến trúc riêng biệt. Trải qua nhiều kỳ biến động, di chuyển trong triều Nguyễn, các giá trị văn hóa tinh thần của làng đã được tụ hội trong quần thể kiến trúc hiện nay.

Theo Thần phả hiện còn, thần hoàng làng Đại Lan lúc ban đầu là ba vị Đại vương. Đến thời Lê, danh nhân Nguyễn Như Đồ được thờ làm Á thánh cùng tam vị đại vương. Ngọc phả cho biết Linh Hồ là con bà cả, còn Chiêu Minh và Cung

Mục là con bà thứ. Ba vị đều thông minh hơn người, lớn lên đất nước có giặc Tây Thục, ba anh em đã gia nhập quân đội của làng Đạo vương. Linh Hồ được phong là Tiền bộ tướng quân, Minh Chiêu là Tả bộ đô chiêu sứ, Cung Mục là Hữu bộ đô chiêu sứ, ba vị xuất quân trừ giặc, truy đuổi đến núi Long Thành sông Lô bị quân Thục vây chặt. Sau phá được vây, đánh tan bọn giặc Thục. Ngày chiến thắng, Tiền bộ được phong là Thiên sách Thượng Lạc hầu, Tả bộ là quan Thiên sách Tả Lạc hầu, Hữu bộ là quan Thiên sách Hữu Lạc hầu. Sau ngày hóa, ba vị được phong Thượng đẳng phúc thần, ghi trong điển lễ phụng thờ, các đời vua sau đều có sắc phong.

Nguyễn Như Đồ tên chữ là Mạnh An, hiệu là Khiên trai, sinh năm Giáp Thìn (1424), tại Đại Lan. Ông là người đức trọng, tài cao. Năm 19 tuổi, ông đỗ đệ nhất giáp, đệ nhị danh (Bảng nhãn), khoa thi Đình năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442). Trong khoa thi này, ông đỗ cao thứ hai sau Trạng nguyên Nguyễn Trực, trước Thám hoa Lương Như Nộc, Tiến sỹ Ngô Sỹ Liên – những người này đều là những danh nhân lớn đương thời. Trong cuộc đời làm quan, Nguyễn Như Đồ đã ba lần đi sứ, làm quan đến chức Thượng Thư, được gia phong Thiếu bảo, Lan Quận công. Cuối đời, Nguyễn Như Đồ về trí sỹ ở từ dương, thọ 102 tuổi. Đây là những nét chung nhất mà các sử sách đã ghi về ông. Nguyễn Như Đồ sống hơn một thế kỷ, làm quan qua 8 triều vua. Kinh lịch nhiều, hiểu biết rộng nên ông thấy rõ thực trạng xã hội đương thời. Cuộc đời quan chức của ông lúc bổng, lúc trầm. Các tài liệu ghi chép về ông tuy chưa hệ thống song vẫn có thể dựng lại những sự kiện chính trong cuộc đời danh nhân Nguyễn Như Đồ.

Năm 1442, thi đỗ Đại khoa – Bảng nhãn.

Năm 1443, ông được giữ chức việc soạn chế, cáo ở Viện Hàn Lâm, được cử đi sứ lần thứ nhất. Sau đó được phong chức An phủ sứ lộ Quy Hóa.

Năm 1449, được bổ nhiệm làm Hàn Lâm viên thị giảng.

Năm 1450, đi sứ lần thứ hai cống nạp hàng năm cùng Tham tri Tây đạo Hà Hậu và Quốc Tử Giám trợ giáo Đồng Hành Phát.

Năm 1459, đi sứ lần ba cùng Lê Cảnh Huy, Hoàng Thanh, Nguyễn Ngu Tu đề nộp cống hàng năm và xin bỏ việc nạp ngọc trai.

Năm 1460, được phong Lại bộ Thượng thư, triều Lê Thánh Tông. Sau đó kiêm Thượng thư bộ Lễ, gia phong Thiếu bảo, Lan Quận công. Đây là đỉnh cao trong cuộc đời quan chức của ông khi mới 37 tuổi.

Năm 1463, trong kỳ thi Hội, vua đích thân ra đề văn sách, giao cho Nguyễn Như Đồ đọc quyền. Kỳ thi này lấy đỗ Trạng nguyên Lương Thế Vinh.

Năm 1464, trong kỳ thi Hội, ông được giao làm đề điệu.

Năm 1467, vua sai tế thần trừ sâu lúa, Cũng năm này, ông bị bãi chức sau đó không lâu lại được phục chức.

Năm 1470, được phái đi chinh phục quân Chiêm Thành.

Năm 1486, giữ chức Quốc Tử Giám tế tửu, Thượng thư làm giám nghị bên vua, khuyên can và xếp đặt cất nhắc người hiền. Nhiều lần, ông được vua khen nhưng cũng không ít lần ông bị vua chê, thậm chí có lần bị bãi chức vì cất nhắc người không vừa ý vua. Điều đó chứng tỏ Nguyễn Như Đồ là người trung thực thẳng thắn, hết lòng vì dân, vì nước. Ba lần đi sứ, trong đó lần phải xin miễn lệ nạp ngọc trai. Ông đã hoàn thành sứ mệnh của mình và còn được vua phương Bắc gửi tặng báu vật. Điều đó chứng tỏ ông là người có tài năng hùng biện và có khả năng ngoại giao nhất định. Đó là chuyện đi sứ, còn sứ thần nhà Minh sang ta thì sao? Sách Kiến văn tiêu lục của Lê Quý Đôn viết: "Hồi đầu niên hiệu Quang Thuận, sứ thần nhà Minh là Tiền Phổ sang phong Vương, Hoàng Dục (con Lê Văn Linh, giữ chức Đô đốc) phụng mệnh giao tiếp với sứ thần. Tiền Phổ có thư nói: "Đội ơn sai Lê Hoàng Dục và Nguyễn Như Đồ làm bạn trong lúc nghỉ ngơi, hai người này học hành sâu rộng, thật là bề tôi tin dùng thân yêu của nhà vua, không thể một ngày nào xa rời được."

Bình luận về ông, nhà sử học Phan Huy Chú (1782-1840) viết: "Ông lúc trẻ thi đỗ Khôi nguyên, khi lớn làm quan to, lên được cõi thọ trăm tuổi, trải qua tám triều, cũng là sự ít có trong hoạn đồ."

"Hơn thế nữa, nhà sử học Trần Văn Giáp viết " ngày nay chúng ta thấy ông vừa là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao, nhà giáo dục có một tài năng hiếm có. Ngoài ra, ông còn là một nhà văn, một nhà thơ lỗi lạc. Trong đời Thái Hòa, ông mệnh soạn bài văn bia miếu Lê Khôi, tướng giỏi và là cháu của Lê Thái Tổ."

Vốn là người học rộng, hiểu sâu ông lại được làm việc bên vua Lê Thánh Tông, một triều đại mà mọi lĩnh vực phát triển tới đỉnh cao là văn thơ hội Tao đàn, cả vua tôi đều không ngớt ngợi ca cảnh thái bình thịnh trị của đất nước, Nguyễn Như Đồ cũng là nhà thơ lớn. Trong Toàn Việt thi lục, Lê Quý Đôn đã ghi lại một số bài thơ của ông. Những sưu tầm gần đây cũng phát hiện thêm tám bài thơ chữ Hán, bài biểu tạ ơn vua sau khi đỗ Tiến sỹ, một bài văn bia và một số câu đối.

Văn chương của ông là văn chương uyên bác với ngôn từ chau chuốt, ý vị thâm trầm dùng trong cung đình. Những bài thơ làm trong thời gian trí sỹ ở quê có từ ngữ giản dị, gần gũi với nếp sống thôn dã.

Đối với quê hương, nơi đất làng đã nuôi dưỡng, giúp ông có được vinh hiển, Nguyễn Như Đồ rất mực trân trọng ưu ái, ông đã nêu tám gương đạo lý, thủy chung đối với làng xóm. Khi đỗ Tiến sỹ, được vua ban áo mũ, ông đã về làng vinh

quy, 18 năm sau khi được phong Lại bộ Thượng thư, ông đã về đình làng tạ thần và cúng đôi câu đối:

Trợ thần bút, điểm chu đầu ton chủ quản tam khôi cập đệ,
Phát thiên quang trình bạch nhĩ cung giai vi lục bộ thượng thư.

Khi đi sứ, ông được ban thưởng bảo vật cũng mang về cúng tiến đình. Tương truyền, đôi nậm hoa và bia, mũ tam vị đại vương đều do cúng tiến.

III. BÁO CÁO KHẢO SÁT CHI TIẾT VỀ CÁC VẤN ĐỀ LỊCH SỬ, KHẢO CỔ, VĂN HÓA, KIẾN TRÚC, NGHỆ THUẬT, QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, TU BỒ, KỸ THUẬT, VẬT LIỆU XÂY DỰNG DI TÍCH; ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT, TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH VÀ CÁC KẾT QUẢ KHẢO SÁT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG

1. BÁO CÁO KHẢO SÁT

Niên đại khởi dựng

Niên đại khởi dựng đầu tiên của những kiến trúc này hiện nay chưa xác định rõ. Truyền thuyết, những di vật hiện còn đã khẳng định một niên đại ra đời sớm và sự tồn tại của di tích qua các thời Lê - Nguyễn. Những lần chuyển làng, đình và chùa đều di chuyển theo. Lần cuối vào năm 1959, các kiến trúc tôn giáo được chuyển vào sâu trong xóm Nghè tức vị trí hiện nay.

Khảo tả di tích:

Đình Đại Lan là một kiến trúc nhỏ hình chữ Đinh, gồm ba gian đại đình và hai gian hậu cung. Đình được xây gạch trên nền đất cao 50cm so với mặt sân. Bên trong, các bộ vì đỡ mái được làm theo kiểu vì kèo quá giang, nối các bộ vì là hệ thống xà đai thượng, hạ. Hai gian hậu cung được bao kín bằng tường gạch. Thông giữa tiền đình là hai cửa nách nhỏ, chính giữa là bức tường lửng để tạo sự ngăn cách riêng biệt cho cung cấm.

Nền hai gian bên nhà tiền đình được tôn cao 20cm để làm chỗ ngồi mỗi khi có việc hành lễ. Hệ cột đình bằng bê tông cốt thép sơn giả gỗ, kết cấu khung vì cháp và không đồng bộ.

a. Hiện trạng tổng mặt bằng

Đình Đại Lan hiện trạng có tổng diện tích khoảng 9.452 m².

Đình Đại Lan tọa lạc trong không gian mở trên khoảng đất thoáng dang trước làng, nhìn về hướng Tây - Nam. Đại đình được đặt sát cạnh Tam bảo của chùa Đại Lan, bố trí lệch về một phía của khu đất. Phía trước đình là khoảng sân lát gạch.

Hệ thống sân vườn, đường đi nội bộ trong di tích chưa được quy hoạch, cây xanh ngoại trừ cây lưu niên có giá trị, còn lại mọc tự phát lộn xộn gây mất cảnh

quan, thiếu thẩm mỹ. Sân đường hiện trạng mặt sân không đồng nhất, sử dụng vật liệu chưa phù hợp với di tích.

Hệ thống cấp điện đi mạng lưới cũ, đường dây cấp điện cho các hạng mục công trình đi nổi thiếu an toàn. Chưa có hệ thống chiếu sáng cảnh quan và chiếu sáng điểm nhất nghệ thuật cho các hạng mục công trình.

Hệ thống thoát nước chưa có hệ thống thu gom nước mặt, hiện trạng chủ yếu là thoát tràn tự nhiên.

Hệ thống tường rào bảo vệ di tích đã có nhưng chưa hoàn chỉnh, chưa đảm bảo an ninh, hình thức kiến trúc đơn giản, kém thẩm mỹ.

Ưu điểm:

Khu đất dự án có vị trí tốt, tiếp giáp mặt với đường giao thông thuận lợi nên phù hợp với điều kiện phát triển về mọi mặt của khu di tích đình Đại Lan trước mắt và lâu dài;

Địa hình khu đất bằng phẳng; thuận lợi cho việc tu bổ, tôn tạo các công trình trong di tích

b. Hiện trạng các công trình kiến trúc

- Đại đình:

Do điều kiện tự nhiên bờ sông Hồng thay đổi dòng chảy và khu vực thường xuyên bị lũ lụt, nhiều lần làng phải chuyển dịch. Cứ mỗi lần di chuyển làng, các kiến trúc văn hóa, tôn giáo của làng lại theo chân con người đến nơi ở mới (trong đó có đình Đại Lan). Lần cuối đình được chuyển vào năm 1959 bằng kinh phí hạn hện của nhân dân. Kết cấu còn tạm, chưa đồng bộ và chưa phù hợp với giá trị của di tích.

Đại đình có mặt bằng hình chữ Đinh gồm Đại bái và Hậu cung, diện tích khoảng 223m². Tiền tế rộng 3 gian 2 chái, kết nối thành hình chuỗi vồ với hậu cung rộng 3 gian sâu 2 gian. với bốn mái đao cong, bờ nóc đắp lưỡng long châu hổ phù đội mặt trời cách điệu, hai đầu bờ nóc là hai con rồng ngậm bờ nóc, các mái đao được đắp đầu rồng cong hướng vào đình.

Hệ cột bằng bê tông cốt thép sơn giả gỗ. Bộ vì đỡ mái được làm theo kiểu thượng giá chiêng rường đặt trên bốn hàng chân cột. Trang trí trên kiến trúc tại đình Đại Lan đơn giản.

Nền các gian bên nhà Đại bái được tôn cao 20 cm để làm chỗ ngồi mỗi khi có việc làng, gian giữa được xây cao khoảng một ô chiều để dùng vào việc hành lễ.

Hiện tại công trình đại đình đang xuống cấp nghiêm trọng, các cấu kiện chấp vá bị hư hỏng nhiều và không còn khả năng sử dụng.

- Hiện trạng nội thất thờ:

Khu di tích Đại Lan hiện còn bảo lưu được một bộ di vật đồ sộ về số lượng và có giá trị cao về lịch sử và nghệ thuật. Các di vật này được chế tác từ nhiều nguồn chất liệu như đá, đồng, gỗ, giấy... niên đại của các di vật từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19.

Sắc phong:

Tổng số có 11 đạo sắc phong thần của các triều Lê – Nguyễn, đạo sớm nhất có niên hiệu Chính Hòa nhị thập niên (1691), số còn lại thuộc triều Nguyễn.

Hiện vật gỗ:

Di tích còn bảo lưu nhiều hiện vật gỗ có giá trị nghệ thuật cao gồm một cuốn thư, ba cửa võng, ba long ngai, bài vị, hai hương án, hai án văn, hai cây trúc hóa long, nghệ và quan trọng nhất trong số này là bốn bộ kiệu được làm từ thế kỷ 18.

Đồ gốm sứ:

Bao gồm hai bát hương sòng thời Lê – Mạc thế kỷ 17, một chóc sứ thế kỷ 18, đôi lọ sứ thời Thanh. Đặc biệt có bốn nậm rượu cổ tương truyền là của danh nhân Nguyễn Như Đồ cúng tiến sau khi đi sứ Trung Quốc trở về.

Đồ đồng:

Bao gồm hai quả chuông lớn thời Nguyễn và một số bát hương thế kỷ 19

Sách:

Một Thần phả ghi sự tích Thành Hoàng làng, một quyển văn tế ghi danh sách 18 vị khoa bảng được thờ trong văn chỉ.

Hoành phi, câu đối:

Mười sáu bức hoành phi, ba câu đối có nội dung ca ngợi công đức của thần và cảnh đẹp của di tích:

Bình Thục nguyên nhung sử sách đan thanh lưu vĩ tích,

Khai Lan hoa nhị thân hào vĩ đại ngưỡng anh linh.

Đánh giặc Thục ngài là đáng nguyên nhung, sử sách còn ghi công vĩ đại

Mở đất Đại Lan, thần là bậc hào kiệt ai ai thấy lòng ngưỡng mộ oai linh.

c. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống kỹ thuật:

Hệ thống điện: Sử dụng nguồn điện sinh hoạt của khu vực dân cư;

Hệ thống cấp nước: Sử dụng nước máy do huyện Thanh Trì cung cấp cho xã;

Hệ thống thoát nước: Hệ thống nước thải xí tiêu được xử lý tại chỗ; nước rửa, nước mặt được thoát theo địa hình tự nhiên.

Hệ thống PCCC:

Đình hiện không có hệ thống biển báo và thiết bị PCCC;

Hiện trạng sử dụng đất:

Hiện trạng đất dự án được sử dụng làm nơi thờ Thành Hoàng làng và sinh hoạt các hoạt động lễ hội, văn hóa dân gian theo nghi thức truyền thống, đúng quy định của pháp luật.

Sử dụng.

Hiện tại khu đền có các chức năng như sau:

Thờ Thành Hoàng làng

Hội họp và sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng trong vùng.

Kết quả khảo sát khác:

Phần kỹ thuật điện hiện trạng đang sử dụng nguồn cấp điện chung từ đường dây cấp sinh hoạt cho khu dân cư;

Điện đi dây nổi gây mất mỹ quan và dễ gây mất an toàn;

Kỹ thuật nước: Cấp nước lấy từ nguồn cấp nước chung của huyện Thanh Trì; thoát nước mặt chủ yếu là dạng tự nhiên, xuôi đọng tại các khu vực thấp; thoát nước thải hiện tại lộ thiên, cần phải thiết kế, xử lý đồng bộ.

Thông tin liên lạc: Trong vùng phủ sóng điện thoại di động.

2. VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Vật liệu xây dựng trong khu di tích gồm hai loại vật liệu cơ bản: Vật liệu tự nhiên (gỗ, đá...) và vật liệu nhân tạo (gạch, gốm, vôi, bê tông...). Các loại vật liệu phối kết hợp sử dụng một cách khéo léo, hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sử dụng, điều kiện làm việc, chất lượng thẩm mỹ.

Vật liệu cơ bản cấu thành trong các hạng mục ở khu di tích là:

- Gỗ: trước đây là gỗ Lim, sau nhiều lần tu bổ, chống xuống cấp một số cấu kiện được thay thế bằng gỗ tạp (màu trắng, vàng... mềm, khả năng chịu lực kém...).

- Gạch: xây tường bao che, lát nền, lát sân... Với đặc điểm của vật liệu gạch (độ bền nén, độ hút ẩm, khả năng chịu mài mòn, độ đồng nhất, dung sai, chịu sự ảnh hưởng cao từ: nước, muối hòa tan, hệ sinh thực vật, yếu tố môi trường...) trong quá trình sử dụng không thể tránh khỏi việc thấm nước, mục mủn, mài mòn, biến dạng màu, phong hóa...

- Đá: vật liệu đá tự nhiên được sử dụng nhưng không nhiều (vật liệu mang tính linh, bền vững) như: chân tảng... với đặc điểm của vật liệu đá (ảnh hưởng của nước mưa có axit yếu, khí CO₂ hòa tan...; không khí ô nhiễm chứa HCL, HNO₃, HF, SO₂...; yếu tố sinh học như nấm mốc, tảo, địa y, rêu, thực vật bậc cao...; yếu tố cơ học như mài mòn, va đập...) cũng không thể tránh khỏi va đập cơ học, các phản ứng hóa học về ăn mòn, phá hủy cấu trúc bề mặt... làm hư hỏng vật liệu trong quá trình sử dụng.

- Bê tông cốt thép: được xem là vật liệu vĩnh cửu, sử dụng làm hệ thống khung, mái, hệ thống đà kiềng, đai, găng của cửa sổ, cửa đi, bồn hoa, hàng rào, tường rào... Với đặc điểm của vật liệu: biến dạng, thấm nước, độ đồng nhất, tỉ lệ cấp phối, chất lượng cốt liệu... cũng không thể không xuống cấp theo thời gian, mặc dù thời gian diễn ra rất chậm.

- Kim loại: cũng được xem là vật liệu vĩnh cửu, sử dụng làm cốt liệu cho bê tông (bê tông cốt thép), hoa sắt công, ... Với đặc điểm của vật liệu kim loại: ăn mòn hóa học, ăn mòn điện hóa, khả năng chịu nhiệt... nên vật liệu kim loại cũng không thể không xuống cấp theo thời gian, mặc dù thời gian diễn ra rất chậm. Vì vậy cần phải có phương pháp sử dụng hợp lý, bảo vệ loại vật liệu này (cách ly, gia công nhiệt hóa, sử dụng chất cản: sơn, mạ...).

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Hạng mục sân vườn tổng thể (sân vườn, cấp điện, cấp thoát nước...) hiện chưa được định hướng tu bổ, tôn tạo, chưa được quan tâm đầu tư xứng tầm. Việc tôn tạo mang hình thức chắp vá, kinh phí huy động, điều kiện đến đâu làm đến đấy nên không có sự thống nhất, đồng bộ.

Nhiều hạng mục phụ trợ có hình thức kiến trúc, quy mô, vị trí...chưa phù hợp

Với hiện trạng một số công trình gốc trong di tích đang xuống cấp như hiện nay thì việc đầu tư Dịch chuyển và tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan là việc làm cần thiết và cấp bách; đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân, giữ gìn, bảo tồn công trình có giá trị về kiến trúc và nghệ thuật, tôn vinh giá trị của di tích. Đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong vùng cũng như du khách gần xa.

4. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN DỰ ÁN

a. Vị trí địa lý

Xã Duyên Hà nằm ở phía đông huyện Thanh Trì. Ranh giới hành chính như sau:

- Phía đông giáp, sông Hồng và xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì;
- Phía nam giáp xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì;
- Phía tây giáp xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì;
- Phía bắc giáp xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì và xã Văn Đức, huyện Gia Lâm (ranh giới tự nhiên là sông Hồng).

Khu di tích đình Đại Lan thuộc xã Duyên Hà – Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội.

Khu đất dự án các hướng tiếp giáp như sau:

Đình Đại Lan tọa lạc trong không gian mở trên khoảng đất thoáng đặng trước làng, nhìn về hướng Tây - Nam. Đại đình được đặt sát cạnh Tam bảo của chùa Đại Lan.

b. Điều kiện địa hình

Khu di tích đình Đại Lan - xã Duyên Hà - huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội có địa hình khá bằng phẳng, ổn định về địa hình.

c. Đặc điểm khí hậu

Di tích đình Đại Lan – xã Duyên Hà – huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội nằm trong khu vực có đặc điểm khí hậu của vùng Đông Bắc Bắc Bộ, một năm có 4 mùa rõ rệt:

- Mùa xuân từ tháng 2, 3, 4, nhiệt độ phổ biến từ 130C tới 240C , độ ẩm cao, nhiều mưa phùn.

- Mùa hè từ tháng 5, 6, 7, nhiệt độ phổ biến từ 240C tới 370C, thời tiết nóng, nhiều mưa rào, hướng gió chủ yếu là Đông Nam.

- Mùa thu từ tháng 8, 9, 10, nhiệt độ phổ biến từ 240C tới 130C

- Mùa đông từ tháng 11, 12, và tháng 1, trời lạnh và hanh khô, nhiệt độ từ 130C tới 190C, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Một số thông tin khác về khí hậu:

- Số ngày có mưa trung bình trong năm: 142 ngày

- Tổng số giờ nắng trung bình: 1646 h

- Độ ẩm không khí trung bình: 84%

- Lượng mưa trung bình năm: 1667mm.

IV. MỤC TIÊU DỰ ÁN TƯ BỔ DI TÍCH:

1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Đình Đại Lan, thuộc thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã được xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1989.

Đình Đại Lan thờ bốn vị Thành hoàng làng, trong đó ba vị thuộc thời Hùng Vương là Linh Hồ, Minh Châu và Chà Lục có công dẹp giặc và Nguyễn Như Đồ - một đại thần nhà Lê, thi đỗ Bảng nhãn, làm quan trải tám triều, tới chức Thượng thư với tước Quận công, ba lần đi sứ Trung Quốc, tuổi thọ trên trăm tuổi.

Qua thời gian tồn tại và thăng trầm của lịch sử, di tích đình Đại Lan bị xuống cấp nghiêm trọng. Năm 2007 được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, chính quyền và nhân dân thôn Đại Lan xã Duyên Hà, đình được đầu tư kinh phí tu bổ, tôn tạo bằng nguồn ngân sách và xã hội hóa.

Tuy nhiên, do việc đầu tư không đồng bộ nên kiến trúc cảnh quan chưa tương xứng với giá trị của di tích. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật không đồng bộ, không đáp

ứng được sinh hoạt tâm linh tín ngưỡng của nhân dân; Bởi vậy việc Dịch chuyển và Tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan xã Duyên Hà đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển của khu di tích trước mắt và lâu dài là việc làm chính đáng, thiết thực, gắn liền với phong tục tập quán sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng của nhân dân trong và ngoài vùng; Đáp ứng sự mong mỏi của các cấp lãnh đạo tại địa phương và đông đảo quần chúng nhân dân trong và ngoài vùng;

Việc đầu tư dự án Dịch chuyển và Tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan xã Duyên Hà nhằm lưu giữ và phát huy giá trị lịch sử và kiến trúc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Dịch chuyển và Tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan nhằm bảo tồn, gìn giữ lâu dài và phát huy giá trị kiến trúc nghệ thuật của di tích. Làm sống lại các hoạt động văn hoá phi vật thể, làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng, nơi giao lưu văn hóa và tổ chức các lễ hội truyền thống trong vùng. Qua đó nhằm ổn định và nâng cao đời sống văn hoá vật chất tinh thần cho nhân dân xã Duyên Hà.

Khơi dậy đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, phát huy truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ người Việt Nam. Làm đẹp thêm cho quê hương huyện Thanh trì, thành phố Hà Nội một vùng quê cổ kính, giàu bản sắc văn hóa và tâm linh. Tạo dựng nên một môi trường văn hóa lành mạnh, mang tính giáo dục cao. Từ tiền đề này sẽ tác động tốt tới sự phát triển khác, hoà chung với sự phát triển kinh tế xã hội trong cả Thủ đô Hà Nội. Tổ chức khai thác các hoạt động thích hợp, không làm ảnh hưởng và phá hoại đến di tích, phục vụ thăm viếng, nghiên cứu và du lịch.

Đề cao văn hoá, tôn trọng lễ thức truyền thống và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần ngày càng cao của nhân dân, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

V. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

1. ĐỊNH NGHĨA

Bảo quản di tích: là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích.

Tu bổ di tích: là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích.

Phục hồi di tích: là hoạt động nhằm phục dựng lại di tích đã bị hủy hoại trên cơ sở các cứ liệu khoa học về di tích đó.

Việc vận dụng ở mức độ nào với di tích thì những đặc điểm, giá trị vốn có của di tích phải được ưu tiên đảm bảo không bị sai lệch hay hủy hoại, mất mát trong

quá trình thực hiện tu bổ. Đặc biệt, việc phục hồi từng phần hay toàn bộ di tích đều phải có những cơ sở khoa học chắc chắn và những căn cứ xác thực.

2. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC

2.1. Mục tiêu:

Mục tiêu trước hết và tối cao là duy trì, đảm bảo sự tồn tại lâu dài của di tích. Bảo tồn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích nguyên gốc.

Tu bổ, chống xuống cấp cho các hạng mục công trình, tôn tạo cảnh quan, phát huy giá trị của khu di tích.

Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tưởng nhớ, tôn vinh những người có công với đất nước, phục vụ nhu cầu tham quan, du lịch...

Thực hiện Luật Di sản, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, phục vụ sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu nước mạnh.

2.2. Nguyên tắc:

Việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sẽ đảm bảo được chất lượng khoa học của việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (hoạt động tu bổ di tích). Tuy nhiên đối với những trường hợp cụ thể cần phải xác định những nguyên tắc phù hợp khác để áp dụng. Việc áp dụng không nên quá cứng nhắc, có thể có giới hạn ở mức độ nhất định một cách phù hợp nhất.

Tuân thủ các nguyên tắc trong hoạt động thiết kế tu bổ di tích, thi công tu bổ di tích (Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL).

1. Tuân thủ thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt, quy định về quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thi công tu bổ di tích.

2. Ưu tiên sử dụng phương pháp thi công truyền thống, chú trọng bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, bảo vệ cấu kiện trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích.

3. Khi có những phát sinh, phát hiện mới về di tích khác với thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát phải kịp thời thông báo với chủ đầu tư dự án tu bổ di tích. Trong trường hợp điều chỉnh thiết kế tu bổ di tích, chủ đầu tư dự án tu bổ di tích phải xem xét điều chỉnh thời gian thi công tu bổ di tích để đảm bảo chất lượng công trình.

4. Hoạt động thi công tu bổ di tích được thực hiện dưới sự giám sát của cộng đồng dân cư nơi có di tích và tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa.

5. Thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích.

6. Ghi nhận đầy đủ trong Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công mọi hoạt động thi công tu bổ di tích đã thực hiện tại công trường.

7. Bảo đảm an toàn cho di tích và khách tham quan.

VI. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ DI TÍCH VÀ CÁC PHƯƠNG ÁN: GIẢI TỎA VI PHẠM DI TÍCH (NẾU CÓ); BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI TỪNG HẠNG MỤC CỦA DI TÍCH; TÔN TẠO CẢNH QUAN; BẢO VỆ DI TÍCH VÀ CÁC HIỆN VẬT TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG; DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG TẠI DI TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG; PHÒNG, CHỐNG MỐI MỌT, CHÁY NỔ; XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỚI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. MỤC ĐÍCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Quy hoạch sử dụng bố cục, nguyên tắc thiết kế quy hoạch, kiến trúc mang phong các truyền thống dân gian hiện có tại, dựa trên cơ sở lợi thế của vị trí hiện trạng.

Đề xuất định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan cho việc bảo tồn di tích và xây dựng mới.

Phục vụ việc xác định lại mốc giới, giải tỏa vi phạm, tổ chức phát huy giá trị di tích.

Tạo không gian đủ rộng để phục vụ cho các hoạt động lễ hội, tế lễ và sinh hoạt cộng đồng.

Đảm bảo tính bền vững, đồng bộ và phù hợp về quy mô, không gian hình thức kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan xung quanh.

2. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

Tu bổ, tôn tạo dựa trên nguyên tắc tôn trọng tổng thể cũ với các yếu tố về ranh giới, vị trí các di tích gốc, không gian cảnh quan kiến trúc và định hướng quy hoạch trong tương lai. Giải pháp đề ra chủ yếu là chỉnh trang sân vườn, tôn cốt nền, quy hoạch các hạng mục, làm đẹp thêm, thích ứng với điều kiện sử dụng. Cụ thể:

Giữ nguyên hướng Đại đình tiến hành quy hoạch lại các hạng mục cho đăng đối và hài hòa theo mặt bằng truyền thống của một ngôi đình. Nâng toàn bộ cốt nền sân đình cho phù hợp với cao độ đường giao thông khu vực và các công trình liền kề. Từ đường giao thông phía trước (cao độ theo các đề án quy hoạch xây dựng đô thị) lên 0,25m qua Cổng bước vào sân hội, tiếp đến lên 3 bậc 0,45m tới sân lễ với cách hạng mục chính của đình Nghi môn, Đại đình và Tả Hữu vu, nhà Thủ từ - nhà Vệ sinh bố trí nằm ở cuối khuôn viên và hướng gió, nhà Điều hành lễ hội và sân lễ hội được bố trí độc lập phía bên hữu của khu đất với các đoạn đường dạo kết nối hai bên nội khu.

Xây mới hệ thống tường rào bảo vệ di tích, lát hệ thống sân bằng gạch bát phục chế, xây các đoạn bồn cây định hướng không gian, hướng tiếp cận cho các công trình, trồng thêm cây lưu niên, cây bản địa tại các khoảng vườn này. Xây dựng bậc lên đường đi và kê đá phù hợp với cao độ địa hình tự nhiên, hạn chế mức tối thiểu sự san gạt tránh ảnh hưởng tới môi trường cảnh quan chung.

3. CÁC HẠNG MỤC ĐƯỢC ĐẦU TƯ TU BỔ TÔN TẠO:

Các hạng mục được đầu tư tu bổ, tôn tạo bao gồm :

- Quy hoạch tổng thể sân vườn, hạ tầng kỹ thuật; tôn cốt nền;

Khu đình:

- Tôn tạo Cổng đình trên trục Thần đạo;

- Tôn tạo Nghi môn trên trục Thần đạo;

- Tôn tạo Bình Phong, hồ nước;

- Tôn tạo Đại đình;

- Tôn tạo Tả, hữu vu;

- Tôn tạo nhà Thủ từ;

- Tôn tạo nhà vệ sinh, am hóa vàng;

- Tôn tạo nhà Điều hành lễ hội.

- Tôn tạo công phụ.

4. PHƯƠNG ÁN TU BỔ, TÔN TẠO CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Tôn tạo Cổng đình:

Cổng đình tôn tạo được đặt trên trục thần đạo của Đình. Cổng có hình thức kiến trúc kiểu tam môn - tứ trụ đắp vẽ theo hình thức cột đồng trụ truyền thống, gồm hai trụ lớn và hai trụ nhỏ; Giữa hai trụ lớn là lối đi chính giữa, có cánh cổng bằng thép hộp và bánh xe, hình thức truyền thống; Hai lối đi hai bên ở giữa trụ lớn và trụ nhỏ có nhà pháo, hình thức hai tầng tám mái chông diêm;

Trụ lớn trên đỉnh đắp phượng, các ô lồng đèn đắp phù điêu tứ linh; Trụ bé trên đỉnh đắp nghê, ô lồng đèn đắp phù điêu tứ quý;

Kết cấu móng trụ là móng cọc bê tông, trên có giằng bê tông liên kết giữa các trụ, lõi các trụ là cột bê tông để đảm bảo bền vững chắc chắn cho công trình.

Hoàn thiện sơn vôi màu ghi sáng, các chi tiết hoa văn con giống đắp bằng vữa vôi giầy truyền thống có gắn mảnh sành sứ.

Tôn tạo Nghi môn:

Nghi môn tôn tạo được đặt trên trục thần đạo của Đình. Nghi môn đắp vẽ theo hình thức cột đồng trụ truyền thống, gồm hai trụ lớn và hai trụ nhỏ, giữa các trụ đều để thoáng;

Trụ lớn trên đỉnh đắp phượng, các ô lồng đèn đắp phù điêu tứ linh; Trụ bé trên đỉnh đắp nghê, ô lồng đèn đắp phù điêu tứ quý;

Kết cấu móng trụ là móng cọc bê tông, trên có giằng bê tông liên kết giữa các trụ, lõi các trụ là cột bê tông để đảm bảo bền vững chắc chắn cho công trình.

Hoàn thiện sơn vôi màu ghi sáng, các chi tiết hoa văn con giống đắp bằng vữa vôi giầy truyền thống có gắn mảnh sành sứ.

Tôn tạo Bình Phong, hồ nước:

Hồ nước được bố trí trên trục thần đạo, sau Cổng đình. Kè hồ xây đá học, ốp gạch vồ KT 18x12x30cm để trang trí; lan can đá xanh Thanh Hóa có đục chạm hoa văn.

Bình phong đá được bố trí phía trước hồ cùng trục với lan can; Vật liệu làm bằng đá xanh Thanh Hóa ghép khối, lắp ghép bằng mộng đá và keo gắn đá, bề mặt đục chạm hoa văn truyền thống, đục nổi kênh dày nhất 7cm, hạ nền sâu nhất 7cm; Móng bộ bình phong bằng bê tông cốt thép #250.

Tôn tạo Đại Đình:

Hạ giải toàn bộ Đại đình hiện trạng từ mái đến móng. Trước khi hạ giải thực hiện công tác bảo quản tượng và đồ thờ nội thất; Xây dựng nhà bao che công trình để đảm bảo tiến độ xây dựng và chất lượng thi công;

Tôn tạo Đại đình với vị trí di chuyển lên trước trên mặt bằng tổng thể, hướng không thay đổi; Mặt bằng hình chữ “Đình”, bao gồm Đại bái và hậu cung, diện tích khoảng 279m². Đại bái gồm 3 gian 2 trái, thiết kế dạng mái đao; mỗi gian rộng 3,7m. Hậu cung gồm 3 gian, tường xây thu hồi bít đốc. Nền nhà cao hơn sân trước 0,45m. Gạch lát nền công trình là gạch bát 300 x 300 theo mạch chữ công, Bậc cấp, bó hè bằng đá xanh.

Bộ khung kết cấu của Đại bái được kê lên 4 hàng chân cột gồm 2 cột cái đường kính 0,46m cách nhau 4,3m. Cột quân đường kính 3,6m cách cột cái 2,1m. Bộ khung kết cấu của Hậu cung được kê lên 4 hàng chân cột gồm 2 cột cái đường kính 0,42m nằm trên trục cột gian giữa của Tiền tế. Cột quân có đường kính 0,36m cách cột cái 1,4m. Toàn bộ chân tảng bằng đá xanh.

Bộ vì mái được gia công bằng gỗ lim, vì nóc có kết cấu con chông cột trốn, vì nách kiểu cốn mê. Khoảng cách từ nền tới dạp câu đầu là 4,31m, tới dạp thượng lương là 5,93m. Chiều cao từ nền tới tầu mái là 2,45m

Phía trước 3 gian giữa là cửa thượng song hạ bản, 2 gian đầu hồi là hệ vách chấn song bằng gỗ lim. Các mặt còn lại của Đại bái là hệ vách chấn song bằng gỗ lim, tường Hậu cung xây gạch bát, mặt trong trát vữa sơn màu trắng, mặt ngoài để trần miết mạch.

Toàn bộ các cấu kiện gỗ hệ khung vì, mái, cửa... được làm bằng gỗ lim với quy cách kích thước phù hợp, các cấu kiện phần khung vì có đục trạm hoa văn trang trí phù hợp niên đại và kiến trúc truyền thống.

Tôn tạo công trình từ móng đến mái: Móng xây gạch đặc VXM #75, giằng móng BTCT #250 đá 1x2, nền lát gạch bát KT:300x300x50 công mạch, chân tảng, bó thêm và bậc thêm đá xanh nguyên khối. Mái lợp ngói mũi hài màu đỏ 180v/m²; Các chi tiết hoa văn nề ngỗa trang trí được đắp bằng vữa truyền thống, bờ nóc bờ chảy xây gạch hoa chanh trang trí;

Tu bổ tôn tạo hệ thống bệ thờ, ban thờ, các hiện vật nội thất đồ thờ đảm bảo phù hợp kiến trúc truyền thống, phù hợp lịch sử của di tích và đảm bảo phục vụ tín ngưỡng cho nhân dân và khách thập phương.

Bổ sung hệ thống điện chiếu sáng nội thất bao gồm chiếu sáng chung và chiếu sáng điểm nhấn cho các hiện vật nội thất đồ thờ;

Bổ sung hệ thống PCCC và chống mối mọt toàn bộ công trình.

Tôn tạo Tả hữu vu:

Tôn tạo nhà Tả, hữu vu vị trí phía trước và đối xứng nhau qua Đại đình, hình thức thu hồi bít đốc.

Công trình mặt bằng hình chữ Nhật, diện tích khoảng 82m², gồm 5 gian. Mỗi gian rộng 2,4m, cách tường 0,35m. Nền nhà cao hơn sân trước 0,25m. Gạch lát nền công trình là gạch bát 300 x 300 theo mạch chữ công.

Bộ khung kết cấu được kê lên 3 hàng chân cột gồm 2 cột cái đường kính 0,3m cách nhau 3,6m. Cột hiên đá xanh, phía trên có cột tròn bằng gỗ lim, toàn bộ chân tảng bằng đá xanh.

Bộ vì mái được gia công bằng gỗ lim, có kết cấu kiểu chông rường, kê chuyền. Khoảng cách từ nền tới dạp câu đầu là 3.1m, tới dạp thượng lương là 4,43m. Chiều cao từ nền tới tầu mái là 2,2m.

Phía trước cả 5 gian là hệ cửa đi thượng song hạ bản, phía sau hệ cửa sổ pano gỗ lim, hai cửa sổ đầu hồi là cửa sổ tròn chữ thọ nan bê tông, các mặt còn lại xây tường gạch, trát vữa; mặt trong sơn màu trắng, mặt ngoài sơn màu ghi sáng.

Tôn tạo công trình từ móng đến mái: Móng xây gạch đặc VXM #75, giằng móng BTCT #250 đá 1x2, nền lát gạch bát KT:300x300x50 công mạch, chân tảng, bó thêm và bậc thêm đá xanh nguyên khối. Mái lợp ngói mũi hài màu đỏ 180v/m²; Các chi tiết hoa văn nề ngỗa trang trí được đắp bằng vữa truyền thống, bờ nóc bờ chảy xây gạch hoa chanh trang trí;

Hoàn thiện hệ thống cấp điện, chiếu sáng trong nhà, hệ thống phòng cháy chữa cháy (bình bột, tiêu lệnh) và chống mối mọt toàn bộ công trình.

Tôn tạo nhà Thủ từ:

Tôn tạo nhà Thủ từ bên hữu Đại đình, hình thức thu hồi bít đốc.

Công trình mặt bằng chữ Nhất, diện tích khoảng 57m², gồm 3 gian. Gian giữa rộng 2,7m, cách tường 0,7m. Nền nhà cao hơn sân trước 0,25m. Gạch lát nền công trình là gạch bát 300 x 300 theo mạch chữ công.

Bộ khung kết cấu được kê lên 3 hàng chân cột gồm 2 cột cái đường kính 0,3m cách nhau 3,6m. Cột hiên đá xanh, phía trên có cột trôn bằng gỗ lim, toàn bộ chân tảng bằng đá xanh.

Bộ vì mái được gia công bằng gỗ lim, có kết cấu kiểu chông rường, kê chuyên. Khoảng cách từ nền tới dạp câu đầu là 2,99m, tới dạp thượng lương là 4,43m. Chiều cao từ nền tới tầu mái là 2,2m.

Phía trước cả 3 gian là hệ cửa thượng song hạ bản, phía sau hệ cửa sổ pano gỗ lim, hai cửa sổ đầu hồi là cửa sổ chữ thọ nan bê tông, các mặt còn lại xây tường gạch, trát vữa; mặt trong sơn màu trắng, mặt ngoài sơn màu ghi sáng.

Tôn tạo công trình từ móng đến mái: Móng xây gạch đặc VXM #75, giằng móng BTCT #250 đá 1x2, nền lát gạch bát KT:300x300x50 công mạch, chân tảng, bó thềm và bậc thềm đá xanh nguyên khối. Mái lợp ngói mũi hài màu đỏ 180v/m²; Các chi tiết hoa văn nề ngỗa trang trí được đắp bằng vữa truyền thống, bờ nóc bờ chày xây gạch hoa chanh trang trí;

Hoàn thiện hệ thống cấp điện, chiếu sáng trong nhà, hệ thống phòng cháy chữa cháy (bình bọt, tiêu lệnh) và chống mối mọt toàn bộ công trình.

Tôn tạo nhà Điều hành lễ hội:

Tôn tạo nhà Phục vụ lễ hội phía bên hữu của khu đất, sau lưng nhà thủ từ, hình thức thu hồi bít đốc. Bên trong có vách gỗ và cửa đi để chia phòng sinh hoạt.

Công trình mặt bằng chữ Nhất, diện tích khoảng 113,5m², gồm 5 gian 2 chái. Gian giữa rộng 2,7m, hai bên rộng 2,5m, cách tường 0,45m. Nền nhà cao hơn sân trước 0,2m. Gạch lát nền công trình là gạch bát 300 x 300 theo mạch chữ công.

Bộ khung kết cấu được kê lên 3 hàng chân cột gồm 2 cột cái đường kính 0,28m cách nhau 3,24m. Cột hiên đá xanh, phía trên có cột trôn bằng gỗ lim, toàn bộ chân tảng bằng đá xanh.

Bộ vì mái được gia công bằng gỗ lim, có kết cấu kiểu chông rường, kê chuyên. Khoảng cách từ nền tới dạp câu đầu là 3,27m, tới dạp thượng lương là 4,46m. Chiều cao từ nền tới tầu mái là 2,2m.

Phía trước cả 7 gian 2 chái là hệ cửa thượng song hạ bản, phía sau hệ cửa sổ pano gỗ lim, hai cửa sổ đầu hồi là cửa sổ chữ thọ nan bê tông, các mặt còn lại xây tường gạch, trát vữa; mặt trong sơn màu trắng, mặt ngoài sơn màu ghi sáng.

Tôn tạo công trình từ móng đến mái: Móng xây gạch đặc VXM #75, giằng móng BTCT #250 đá 1x2, nền lát gạch bát KT:300x300x50 công mạch, chân tảng,

bó thêm và bậc thêm đá xanh nguyên khối. Mái lợp ngói mũi hài màu đỏ 180v/m²; Các chi tiết hoa văn nề ngõa trang trí được đắp bằng vữa truyền thống, bờ nóc bờ chảy xây gạch hoa chanh trang trí;

Hoàn thiện hệ thống cấp điện, chiếu sáng trong nhà, hệ thống phòng cháy chữa cháy (bình bột, tiêu lệnh) và chống mối mọt toàn bộ công trình.

Tôn tạo nhà vệ sinh:

Tôn tạo nhà vệ sinh bên hữu Đại đình cạnh nhà Thủ từ, Khung kết cấu BTCT, hình thức thu hồi bit đốc. Bên trong phân chia khu vực nam nữ riêng biệt

Công trình mặt bằng hình chữ Nhất, diện tích khoảng 34m². Nền nhà được tôn cao hơn mặt sân phía trước 0,2m.

Mái bê tông dán ngói mũi hài màu đỏ, Nền lát gạch Ceramic 300x600, chống trơn. Tường xây gạch chỉ dày 220, mặt trong ốp gạch Ceramic 300x600, mặt ngoài trát vữa XM #75;

Cửa đi sử dụng gỗ Lim nan chớp lừng, ô thoáng thông gió xây gạch hoa chanh, vách ngăn các buồng vệ sinh sử dụng vách compact và phụ kiện. Thiết bị vệ sinh hiện đại;

Bờ nóc bờ chảy đắp vữa tạo hình, công trình hoàn thiện sơn màu ghi sáng;

Thiết kế hệ thống cấp thoát nước và chiếu sáng cho công trình.

Tôn tạo am hóa vàng:

Tôn tạo Am hóa vàng phía sau nhà Hữu vu;

Công trình mặt bằng hình chữ nhất (-), hình thức kiến trúc kiểu nhà mái đao 2 tầng mái, phần cổ diêm giữa hai mái để thoáng thoát khói;

Các chi tiết kiến trúc theo kiểu kiến trúc truyền thống, Góc đao đắp bằng vữa truyền thống, bờ mái có đắp phào chỉ trang trí, hoàn thiện sơn màu ghi sáng.

Móng nhà được xây bằng gạch chỉ đặc VXM #75, tấm đan BTCT đổ tại chỗ #250, đá 1x2, lưới inox vuông 16 A50, tường xây bằng gạch chịu lửa vữa samot chịu lửa chuyên dụng, hỗn hợp bột chịu lửa, mặt ngoài miết mạch không trát.

Tôn tạo cổng phụ:

Tôn tạo Cổng phụ phía sau nhà Tả vu;

Hình thức trụ biểu, giữa hai trụ là cánh cổng bằng thép hộp hình thức truyền thống;

Trụ biểu xây gạch lõi BTCT, thân trụ trát tạo hình gờ, phào chỉ; Đầu trụ đắp hoa sen truyền thống;

Móng cột, dầm giằng BTCT.

5. HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

**** Tường rào bảo vệ:***

Xây dựng tường rào bao quanh khu khuôn viên đình Đại Lan. Tường rào móng cột bê tông cốt thép độc lập, giằng móng bê tông cốt thép kích thước 220x300. Tường xây gạch chỉ đặc, trát vữa xi măng M75, hoàn thiện sơn màu ghi sáng. Trên tường có gắn chữ thọ đúc sẵn quét vôi ve cùng màu với hiện trạng. Chiều cao tường rào từ nền sân hoàn thiện đến mũ tường rào khoảng 1,50m (tùy thuộc vào từng vị trí).

*** Lát sân, bó vỉa:**

Sân lát gạch bát toàn bộ . Sử dụng gạch bát phục chế thủ công, kích thước viên gạch là 30x30x5cm màu đỏ. Kết cấu lát gạch nền sân:

- + 05 cm gạch bát thủ công;
- + 03 cm vữa lót mác 75;
- + 10cm bê tông xi măng m150, đá 2x4.

Bó vỉa ô vườn, bó vỉa góc cây sử dụng đá xanh, kích thước tiết diện là 20x15cm.

*** Cấp điện:**

Đáp ứng nhu cầu sử dụng của di tích, đặc biệt là trong các dịp lễ hội, cần phải cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp điện cho di tích, bên cạnh đó cũng rất cần bố trí lắp đặt hệ thống chiếu sáng, trang trí trong và ngoài di tích.

Phương án thiết kế : hệ thống được cấp từ nguồn 1 pha 220Vx50HZ bằng cáp tổng XLPE\PVC - 2x10mm². Điện từ tủ tổng được cấp cho các công trình là loại cáp đặt ngầm trực tiếp loại bọc kim XLPE\PVC- 2x4mm², cấp điện cho chiếu sáng sân vườn là cáp đặt ngầm trực tiếp loại bọc kim xlpe\pvc(2x2,5mm²). Trong trường hợp cáp không có bọc kim cần lồng cáp trong ống nhựa chịu nhiệt. Cao độ của các thiết bị : ổ cắm L=0,4m; công tắc L= 1,3m (so với cốt sàn). Dây trong các công trình được luồn ống đi ngầm tường, nền.

***Hệ thống chống sét:**

Lựa chọn phương án chống sét đánh thẳng bằng công nghệ phát tia tiên đạo sớm. Để đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ, đầu thu sét không đặt tại nóc công trình. Đầu thu sét đặt trên trụ thép cao 15m, tại vị trí gần trung tâm để có phạm vi bảo vệ an toàn cho tất cả các công trình trong phạm vi khi di tích.

Thiết bị gồm đầu thu lôi - thu sét, dây dẫn sét và hệ thống tiếp đất. Đầu thu sét phát tia tiên đạo đi lên thu sét về phía nó, bố trí đầu thu vượt trên đỉnh cột thép 1m, hàn nối liên thông với các dây dẫn sét, hệ thống tiếp đất bằng công nghệ hàn hoá nhiệt Cadweld

*** Thoát nước:**

Để đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ cho di tích, thiết kế lại hệ thống thoát nước cho tổng thể toàn khu. Nước mưa được thoát theo hệ thống rãnh thoát nước, tập trung

về ga thu nước thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, tất cả các rãnh thoát nước và hố ga đều được lát gạch bát bên trên để bảo đảm mỹ quan.

*** Phòng chống mối mọt:**

Do nguyên liệu để tạo bộ khung kết cấu đều là gỗ lim nên trong quá trình thi công cần kết hợp xử lý, ngăn chặn triệt để tác nhân gây hại chính của mối mọt. Phương án phòng chống mối cần được tiến hành toàn diện, đồng bộ đảm bảo triệt để và lâu dài. Xây dựng hào ngăn mối, rải thuốc chống mối nền và bên ngoài, bao quanh phạm vi công trình. Thực hiện các biện pháp hoá bảo quản đối với tất cả các cấu kiện bao gồm các việc phun, quét, tẩm các hoá chất bảo quản lên các cấu kiện bằng gỗ. Các hoá chất sử dụng là: Agenda; PMs-100; XM5-100& LN5-90; Cislin 2,5 EC.

*** Chống ẩm:**

Độ ẩm là nguyên nhân cơ bản gây hư hại cho gỗ, các loại nấm mốc sẽ phát triển rất tốt trong môi trường độ ẩm cao. Ngoài ra, các loại vật liệu khác như gạch, ngói, sắt thép, ... cũng bị hư hỏng rất nhanh khi bị tiếp xúc hoặc bị ngấm nước. Cần phải có phương án loại trừ nguy cơ này từ hai nguồn: hút ẩm từ lòng đất và dột, ngấm từ mái.

Chống ẩm cho các cấu kiện gỗ bằng cách quét thuốc bảo quản Cislin lên các thành phần chôn vào tường hoặc gổ lên tường.

*** Chống cháy:**

Vật liệu chính sử dụng trong di tích là gỗ, một loại vật liệu dễ cháy vì vậy cần có giải pháp phòng cháy hữu hiệu kèm với các phương tiện, thiết bị chữa cháy phòng khi có sự cố cháy xảy ra. Bố trí bình bột, câu liêm, bao đay, thang tre và các phuy chứa nước phòng hoả ở các vị trí khuất, không ảnh hưởng đến mỹ quan di tích.

Phương án thiết kế hệ thống PCCC cho công trình đã đảm bảo tính khoa học, kỹ thuật, mỹ thuật, phù hợp với các tiêu chuẩn, quy định của nhà nước trong lĩnh vực PCCC, đồng thời mang tính khả thi cao, phù hợp với dự án.

Phương án thiết kế hệ thống chữa cháy tại chỗ đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản. Các bình chữa cháy được đặt ở khu vực dễ nhìn, dễ lấy và được lắp đặt theo đúng quy định, không ảnh hưởng lớn đến hoạt động trong công trình.

*** Bảo vệ môi trường:**

Dự án nằm không nằm trong danh mục các dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

*** Giải pháp cây xanh:**

Cây xanh trong di tích được trồng để tạo hiệu quả thẩm mỹ về mặt cảnh quan, tạo không gian bóng mát cũng như nâng cao chất lượng không khí cho vi khí hậu tổng thể khu di tích, ngoài ra còn truyền tải ý nghĩa về mặt tâm linh.

Lựa chọn cây bóng mát, cây ăn quả, cây trang trí phù hợp thổ nhưỡng địa phương, trồng kết hợp với các loại cây có ý nghĩa về mặt tâm linh như: Cây hoa đại, cây nhãn, cây ngọc lan, tùng tháp, cỏ lá gừng... nhằm tạo môi trường cảnh quan sạch, đẹp, trong lành.

Lưu ý tận dụng cây xanh hiện trạng đã trồng, ưu tiên cho việc trồng mới hoặc di chuyển cây.

VII. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ, VẬT LIỆU SỬ DỤNG ĐỂ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

1. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

Ngoài những phương án kỹ thuật để tu bổ, tôn tạo di tích trong giới hạn dự án, đơn vị tư vấn đề xuất, kiến nghị thêm một số giải pháp, phương án kỹ thuật, bảo quản, gìn giữ... di tích.

**** Phương án tu bổ, tôn tạo di tích:***

Do đình Đại Lan hiện trạng đã xuống cấp không còn khả năng tái sử dụng nên các cấu kiện kiến trúc mới của đình gia công bằng gỗ Lim mới hoàn toàn.

**** Biện pháp tu bổ, bảo quản đồ thờ tự (nội thất):***

Khi công trình triển khai tu bổ, tôn tạo thì sắc phong, đồ thờ tự, đồ gỗ nội thất... được thống kê, phân loại, rồi di chuyển đến nơi cất giữ, bảo quản an toàn, sau khi công trình tu bổ, tôn tạo xong sẽ được đưa trở lại để bày biện.

Với sắc phong, giấy phong sắc:

Vật liệu cấu thành cơ bản là vỏ Dó, cây Dướng, cây Dó liệt. Giấy có đặc tính xộp nhẹ, bền dai, giấy có cấu trúc dạng sợi, các sợi li ti có kết với nhau tựa mạng nhện, gồm nhiều lớp, không theo thứ tự dọc ngang như vải sợi.

- Trước tiên phải lưu giữ lại bằng cách scan (quét ảnh) hay chụp ảnh kỹ thuật số với độ phân giải cao, sao lưu vào ổ đĩa cứng, ghi vào đĩa CD, DVD.

- Sắc phong, phong sắc phải được để ở nơi an toàn, tránh nhiệt, tránh nước, tốt nhất là được bảo vệ. Dùng hộp gỗ, ống... để cất giữ sắc phong. Hộp đựng nên sơn tĩnh điện hoặc ống bọc bằng nhựa trơ (Inert plastic sleeve). Hạn chế việc động chạm, lật sờ, di chuyển sắc phong, đặc biệt nghiêm cấm dùng băng dính để hàn dính. Sắc phong, phong sắc thường có khổ lớn, lý tưởng nhất là giữ trong mặt bằng có độ phẳng.

- Nhiệt độ thích hợp nhất khi lưu trữ là 13-19°C, độ ẩm 55-65%. Ô nhiễm không khí, hương, khói, nhiệt cần giữ ở mức tối thiểu. Hộp đựng để xa ánh sáng mặt trời, nhiệt bóng đèn. Không nên đặt các nguồn sáng bên ngoài hộp, đèn sợi

quang là lựa chọn tốt nhất do ánh sáng lạnh. Nếu dùng loại đèn khác, nên để ánh sáng ở mức thấp nhất có thể, độ sáng khoảng 50Lux là phù hợp.

- Nếu dùng vải để làm viền hoặc phủ lên hộp đựng thì phải dùng loại vải len chấy chậm.

- Âm, hư hại do nấm mốc hoặc côn trùng cắn phá cần được tu bổ, bảo quản do những chuyên gia có kinh nghiệm. Khi sắc phong khô, đặt lên một tấm giấy phẳng và dùng chổi mềm để làm sạch bề mặt, bào tử mốc có thể tác động xấu tới sức khỏe, cần thận trọng quá trình làm sạch, làm việc khi điều kiện thời tiết tốt. Không khí quá khô khi hong, phơi cũng có thể ảnh hưởng tới chất lượng của sắc phong, không khí khô là nguyên nhân khiến sắc phong bị giòn và ố.

- Nơi cất giữ sắc phong, phong sắc thường kín đáo, đây có thể là nơi trú ngụ của côn trùng và loài gặm nhấm. Ẩm thấp... là môi trường thuận lợi cho nấm mốc phát triển. Cần đặt gói hút ẩm làm giảm độ ẩm và đặt bẫy côn trùng.

...

Với đồ gỗ:

Đặc thù vật liệu có thành cơ bản là: Xenluloza (40-50%), Hemixenluloza (15-25%), Lignin (15-30%) và một số chất khác. Chất liệu gỗ rất kỵ nhiệt độ, độ ẩm vì làm cho đồ gỗ giãn nở. Môi trường ẩm thấp đặc trưng còn làm cho côn trùng phá hoại gỗ phát triển nhanh. Vì vậy cần lưu ý một số biện pháp bảo quản sau:

- Hạn chế việc đặt đồ thờ tự, đồ nội thất bằng gỗ tại nơi có ánh sáng trực tiếp hoặc nơi có nhiệt độ thường xuyên thay đổi. Tia cực tím là nguyên nhân làm đồ gỗ co lại, ảnh hưởng đến tuổi thọ đồ gỗ. Vào mùa nóng cần giữ được độ ẩm hơn 50% cho các hạng mục công trình có bày đồ gỗ.

- Khi công trình bị thấm dột, mưa tạt, ngập nước... Tránh không để đồ gỗ ngâm nước. Đồ gỗ cần được để nơi khô ráo, thoáng mát, có thể bỏ một ít vôi bột vào bên trong đồ gỗ để chống ẩm.

- Khi có vết bẩn trên bề mặt đồ gỗ, cần lau ngay bằng giấy thấm.

- Không nên để bề mặt đồ gỗ trầy xước. Cần thận khi di chuyển, khi để các đồ vật lên bề mặt đồ gỗ.

- Khi vệ sinh đồ gỗ nên dùng bình xịt dung dịch tẩy rửa chuyên dùng ít nhất 1 lần/tuần để tăng độ bảo vệ, giữ bề mặt luôn bóng mới, không bị bám bụi, trầy xước.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình trạng, có các biện pháp chống mối, mọt cụ thể. Để phòng mối mọt, trước khi đóng đồ gỗ, phải phơi gỗ và bào nhẵn sử lý kỹ thuật theo quy trình (phơi, ngâm, tẩm...). Nếu thấy đồ gỗ bị đục lỗ hay có những chấm đen rỗ trên bề mặt, đây là dấu hiệu mọt xén tọc đã xâm nhập vào thớ gỗ. Có thể xử lý ngay bằng chổi sơn quét hóa chất chống côn trùng vào lỗ mọt. Hoặc dùng

thuốc sâu 666 dạng lỏng hoặc bột hòa thêm nước, sau đó dùng bàn chải hoặc dụng cụ phun xịt, xịt lên đồ gỗ. Để phòng côn trùng tốt nhất là bỏ vào bên trong đồ gỗ một ít hoa tiêu để phòng chuột gián hoặc viên long não để phòng mối mọt và tránh kiến.

- Với đặc trưng khí hậu, đồ gỗ sau một thời gian sử dụng có thể xuất hiện nấm mốc, nên dùng các sản phẩm diệt nấm để bảo quản đồ gỗ được bền lâu hơn.

...

Với đồ vải sợi:

Đồ vải sợi như: Quạt vả, lọng, tàn tán, nhiều, khăn phủ... Sau thời gian dài sử dụng hầu như bị mún, biến màu, chất liệu này rất khó khăn cho việc bảo quản lâu dài.

- Với loại hiện vật này cần phải giặt sạch sẽ, phơi khô trong nắng nhẹ. Tuyệt đối không dùng bàn ủi là phẳng, không nên gấp, sau để nơi khô ráo để vào trong hòm theo kiểu rải thẳng. Định kỳ hong, phơi chỗ râm mát.

- Tùy theo cấu tạo, thành phần của vải, lụa... lựa chọn phương pháp, hóa chất tẩy, giặt phù hợp.

...

Với đồ kim loại:

Là những đồ thờ tự như: Kiếm, bát kích, mâm bồng, lư hương, đài, chén, tiền cổ, chân nến, chuông bát... đồ dùng sinh hoạt bằng đồng, sắt: giá, chậu rửa...

- Các hiện vật trước khi bảo quản cần được làm sạch vết han gỉ. Khi đánh rửa cơ học bằng bàn chải sắt và bàn chải đồng cần lưu ý đồ sắt thì không dùng bàn chải đồng và ngược lại.

- Sau khi làm sạch, rửa sạch đồ bằng nước mềm, tiếp tục rửa sạch bằng nước chanh và nước sôi, để khô, sau đó tráng bằng hóa chất chuyên dụng và để nơi khô ráo, tránh bụi.

- Điều kiện lý tưởng để bảo quản đồ kim loại là để trong môi trường có độ ẩm ổn định dưới 65%. Nếu không có điều kiện thì nên tạo môi trường thông thoáng, tránh để đồ trong môi trường có độ ẩm cao. Đặc biệt không nên để đồ kim loại tiếp xúc với vải Cotton vì vải sẽ hút độ ẩm và làm nơi trú ngụ cho vi khuẩn. Các chất bài tiết của vi khuẩn có thể tạo ra các chất hoá học gây rỉ sét.

- Định kỳ khoảng sáu tháng đến một năm bảo quản lại.

...

Với đồ gốm sứ:

Là những đồ thờ tự như: Bình hoa, bát hương, lọ độc bình, bát, đĩa, tượng thờ...

- Đối với loại hiện vật dễ vỡ này phải đặt vị trí an toàn, có biện pháp neo giữ.

- Đồ nên lau rửa sạch, phân loại, xếp, đặt nơi khô ráo. Những đồ quý báu, đồ đã phục chế phải đóng vào hòm có lót giấy chống ẩm, chống vỡ, để nơi khô ráo, tránh nắng chiếu trực tiếp.

...

Với đồ đá, cấu kiện đá tự nhiên:

Là những đồ như: chân cắm nền, chân tảng, ngạch cửa, chân bệ thờ, cây hương, mặt bệ thờ, linh vật...

- Để xử lý bề mặt đá bị trầy xước, bị mờ nét, mất độ bóng... Có thể thực hiện việc gọi lại nét, vệ sinh, đánh bóng lại cho đá. Việc tu bổ lại giúp duy trì, khôi phục độ bóng, tăng độ cứng của bề mặt, phục hồi lại màu sắc ban đầu của vật liệu, đồng thời làm nổi bật lên những đường nét vân hoa của đá tự nhiên. Đồ đá được bảo quản, chăm sóc đúng cách, bảo dưỡng định kỳ được thực hiện 6 tháng hoặc 12 tháng một lần tùy theo loại đá và cách thức sử dụng.

- Với các vị trí công trình có mật độ sử dụng, mài mòn cao (hiên lát đá, đá lát nền, cột đá...) việc bảo quản có thể sử lý bất kỳ lúc nào khi có các vấn đề sự cố xảy ra.

- Để làm sạch vết bẩn trên đá, nên làm theo các bước sau: xác định loại vết bẩn trước khi làm sạch (làm sạch càng nhanh càng tốt, càng để lâu, vết bẩn càng khó làm sạch). Khi vết bẩn xuất hiện, hãy làm sạch bằng khăn bông sạch hoặc khăn giấy sạch, lau sạch nhẹ nhàng vết bẩn, không chùi mạnh hay làm vết bẩn loang thêm ra. Nên sử dụng một lượng hóa chất vừa đủ để làm sạch vết bẩn sau khi xác định rõ nguyên nhân nào gây ra vết bẩn để sử dụng hóa chất phù hợp...

2. PHƯƠNG ÁN KẾT CẤU

- Phương án kết cấu là sự kết hợp làm việc của các loại vật liệu BTCT, gạch và đá tự nhiên.

- Móng đơn BTCT hoặc móng gạch chỉ đặc VXM M75# có giằng BTCT khóa đỉnh móng.

- Hệ thống khung, mái (kết cấu công trình gỗ) gồm: cột, xà, hoành, xà thế hoành, thượng lương, tàu mái, lá mái, gộp chân rui, rui, mè... gia công bằng Lim... Lưu ý phần cấu kiện gỗ tiếp xúc với tường, chôn trong tường phải được sử lý chống thấm, chống ẩm mốc, chống mối mọt kỹ càng.

- Phương án kết cấu giả định cường độ chịu tải đất, kiến nghị khi tiến hành thiết kế bản vẽ thi công, thi công cần khảo sát địa chất hoặc căn cứ điều kiện thực tế điều chỉnh phương án thiết kế, thi công.

3. VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Các chủng loại vật liệu xây dựng để tu bổ, tôn tạo di tích, thi công xây lắp công trình phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật do thiết kế quy định và tuân thủ đầy đủ các quy định của tiêu chuẩn nhà nước (TCVN) và tiêu chuẩn các ngành có liên quan.

Tất cả các loại vật liệu xây dựng mang đến công trình để thi công xây lắp, hoàn thiện công trình đều phải có chứng chỉ về nguồn gốc và các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu chất lượng và được kiểm tra chặt chẽ. Nếu không đảm bảo yêu cầu chất lượng sẽ bị lập biên bản và buộc phải chở ra khỏi công trường.

Dưới đây là yêu cầu, đặc tính, tiêu chuẩn cơ bản của những loại vật liệu được sử dụng chủ yếu trong công trình.

a. Xi măng :

- Xi măng dùng sản xuất bê tông và vữa xây dựng phải là xi măng lò quay phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 2682-2020.

- Xi măng chuyển đến công trình phải có nguồn gốc và chứng chỉ của nơi sản xuất (Lô, ngày tháng xuất xưởng, nhãn mác đăng ký...).

- Xi măng phải được chứa trong kho theo tiêu chuẩn quy định. Xi măng phải được bảo quản tốt để chống ngâm nước và bị ẩm do khí hậu môi trường, xi măng lưu kho không được vượt quá thời hạn quy định.

b. Cát xây dựng

- Cát dùng cho bê tông và vữa xây dựng phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 9205:2012.

- Cát có nguồn gốc và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thông qua các chứng chỉ thí nghiệm của nơi sản xuất, do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Cát là cát sạch, có đường kính, cỡ hạt phù hợp với bê tông, vữa có hàm lượng bùn, bùn sét, tạp chất và các chất có hại phải nhỏ hơn giới hạn cho phép.

c. Đá, sỏi xây dựng

- Đá, sỏi dùng để sản xuất bê tông phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 7570:2006.

- Cường độ chịu nén của đá, sỏi phải phù hợp với cường độ bê tông theo quy định.

- Đá, sỏi có kích cỡ hạt phù hợp với từng loại kết cấu bê tông cốt thép.

- Đá, sỏi phải có hàm lượng hạt thô dẹt, tạp chất nhỏ hơn giới hạn cho phép.

d. Nước dùng cho bê tông và vữa xây dựng

- Nước dùng trong công tác bê tông và vữa phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4506-2012.

- Nước dùng cho bê tông và vữa xây dựng là nước sạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tuyệt đối không được dùng nước bẩn, nước cống, nước ao hồ, nước nhiễm mặn, nước có nhiều bùn, dầu mỡ...

- Nước dùng cho bê tông và vữa xây dựng có hàm lượng tạp chất có hại nhỏ hơn giới hạn cho phép.

e. Gạch xây dựng

- Theo chỉ định thiết kế: gạch Bát, gạch phục chế, gạch xây tường... theo quy cách của gạch hiện trạng, nếu không có trên thị trường phải đặt theo yêu cầu.

- Gạch dùng cho khối xây phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 1451-1998, TCVN 6477:2016.

- Gạch phải là loại gạch A, đảm bảo cường độ chịu nén theo yêu cầu thiết kế và đảm bảo kích thước hình học theo quy định, sai lệch kích thước không quá lớn: chiều dài $\pm 6\text{mm}$, chiều rộng $\pm 4\text{mm}$, chiều dày $\pm 3\text{mm}$, chỉ tiêu về thể tích, khối lượng riêng, hệ số dẫn nhiệt, độ hút nước... theo tiêu chuẩn.

- Gạch phải có ngoại hình vuông vắn, màu sắc đều và các khuyết tật nhỏ hơn giới hạn cho phép, không sứt mẻ, cong vênh...

g. Cốt thép

- Cốt thép dùng trong kết cấu bê tông cốt thép phải đảm bảo các yêu cầu của thiết kế, đồng thời phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 1651-2018.

- Cốt thép gia công phải có mức độ cơ giới phù hợp với khối lượng thép cần gia công.

- Cốt thép sau khi gia công cán, kéo, uốn và nắn thẳng, lắp đặt... và trước khi đổ bê tông phải làm sạch bề mặt, không được dính bùn đất, dầu mỡ, không có vảy cát và các lớp rỉ.

- Cắt và uốn cốt thép thực hiện bằng các phương pháp cơ học, không được cắt và uốn thép bằng phương pháp gia nhiệt.

- Thép được cắt uốn phải phù hợp với hình dáng, kích thước của thiết kế. Sản phẩm cốt thép đã cắt uốn được kiểm tra theo từng lô.

- Trị số sai lệch không được vượt quá quy định của TCVN 4453-1995.

- Việc nối cốt thép bằng phương pháp nối buộc hoặc liên kết hàn phải tuân thủ theo chỉ định của thiết kế về: vị trí điểm nối, chiều dài nối chồng...

- Liên kết hàn phải đảm bảo chất lượng mối hàn theo yêu cầu kỹ thuật thiết kế. Bề mặt mối hàn phải nhẵn, không cháy thép cơ bản, không đứt quãng, không thu hẹp cục bộ và không có bọt, xỉ. Mối hàn phải đảm bảo chiều dài, chiều cao đường hàn theo yêu cầu thiết kế.

- Khi chọn phương pháp và công nghệ hàn cần tuân thủ theo tiêu chuẩn “Chỉ dẫn hàn cốt thép và chi tiết đặt sẵn trong kết cấu bê tông cốt thép” TCVN 71-1997.

- Liên kết hàn được tiến hành kiểm tra theo từng chủng loại và từng lô, trị số sai lệch so với thiết kế không vượt quá quy định của tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4453-1995.

- Vị trí cốt thép lắp đặt theo bản vẽ thiết kế và phải được cố định bằng dây thép buộc hoặc hàn điểm để cốt thép không bị xô dịch hoặc biến dạng trong quá trình đổ bê tông.

- Cốt thép phải được nghiệm thu theo đúng bản vẽ thiết kế và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mới được chuyển sang giai đoạn tiếp theo.

h. Bê tông

- Các loại vật liệu để sản xuất chế tạo bê tông phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của thiết kế và quy định của các tiêu chuẩn áp dụng cho từng loại vật liệu.

- Thiết kế cấp phối để chế tạo hỗn hợp bê tông phải căn cứ vào mác bê tông do thiết kế quy định và đặc điểm của từng loại vật liệu tại hiện trường được được thí nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật. Phải có kết quả mẫu thử của cấp phối bê tông thiết kế đạt yêu cầu kỹ thuật. Kết quả mẫu thử của cấp phối bê tông thiết kế đạt yêu cầu kỹ thuật mới được đưa vào thi công cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép.

- Khi chế tạo hỗn hợp bê tông, các loại vật liệu như: Cát, đá, xi măng, nước, các chất phụ gia (nếu có) phải được cân đong theo khối lượng hoặc quy định về thể tích tương đương khối lượng.

- Bê tông phải được chế tạo bằng máy trộn bê tông. Nếu bê tông thương phẩm được mua từ các trạm trộn phải có chứng chỉ cấp phối bê tông và thí nghiệm vật liệu của nơi sản xuất bê tông thương phẩm.

- Khi vận chuyển hỗn hợp bê tông từ trạm trộn đến nơi đổ cần sử dụng phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh để hỗn hợp bê tông bị phân tầng, bị chảy nước xi măng và bị mất nước do gió, nắng. Phương tiện thiết bị vận chuyển phải phù hợp với tốc độ trộn khối lượng đổ và đầm bê tông.

- Thời gian lưu hỗn hợp bê tông trong quá trình vận chuyển tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, nhiệt độ, loại xi măng và loại phụ gia sử dụng. Nếu nhiệt độ lớn hơn 30°C thời gian vận chuyển phải nhỏ hơn 30 phút. Từ 20°C đến 30°C thời gian vận chuyển phải nhỏ hơn 45 phút. Từ 10°C đến 20°C thời gian vận chuyển phải nhỏ hơn 60 phút và từ 5°C đến 10°C thời gian vận chuyển phải nhỏ hơn 90 phút.

- Đổ và đầm bê tông không được làm sai lệch vị trí cốt thép, vị trí cốt pha và chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép.

- Bê tông phải được đổ liên tục cho tới khi hoàn thành một kết cấu nào đó theo yêu cầu của thiết kế. Để tránh sự phân tầng, chiều cao đổ bê tông không được vượt quá 1,5m. Nếu vượt quá phải dùng máng nghiêng hoặc ống vòi voi.

- Căn cứ vào từng loại cấu kiện để chọn thiết bị đầm cho thích hợp (đầm dùi, đầm bàn) nhưng phải đảm bảo sao cho sau khi đầm, bê tông được đầm chặt không bị rỗ.

- Bê tông sau khi đổ cần phải được bảo dưỡng độ ẩm và nhiệt độ cần thiết để ninh kết và đóng rắn tốt sau khi tạo hình. Phương pháp, quy trình và thời gian bảo dưỡng bê tông cần phải tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 5592-1991.

- Mạch ngừng thi công cho từng loại kết cấu (dầm, sàn, cột) phải đặt ở vị trí có lực cắt và mô men uốn tương đối nhỏ và phải được sự đồng ý của thiết kế hoặc kỹ sư giám sát bên A.

- Sàn và mái có lớp bê tông chống thấm nước phải được thi công theo yêu cầu của thiết kế và tiêu chuẩn TCVN 5718-1993.

- Các mẫu thí nghiệm xác định cường độ bê tông được lấy ngay tại nơi đổ bê tông và được bảo dưỡng phù hợp với quy định của tiêu chuẩn TCVN 3105-2022. Kích thước chuẩn của mẫu thử là khối lập phương 150x150x150mm. Số lượng mẫu thử tùy theo khối lượng bê tông được quy định như sau:

+ Bê tông khối lớn cứ 500m³; lấy 01 tổ mẫu thử .

+ Các móng lớn cứ 100m³ bê tông lấy 01 tổ mẫu thử.

+ Móng bệ máy cứ 50 m³ bê tông lấy 01 tổ mẫu thử.

+ Bê tông nền, đường, bãi cứ 200m³ lấy 01 tổ mẫu thử.

+ Mỗi tổ mẫu gồm 03 mẫu được thử ở thời gian 07 ngày, 14 ngày và 28 ngày.

i. Vữa xây

- Vữa dùng để xây, trát phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật do thiết kế quy định và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4314-2022. Việc pha trộn vữa, thời gian sử dụng vữa phải phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4459-1987.

- Vữa đã trộn phải dùng hết trước lúc bắt đầu đông cứng, không dùng vữa đông cứng, vữa đã khô. Nếu vữa bị phân tầng, trước khi dùng phải trộn lại cẩn thận tại chỗ thi công và phải được kỹ sư giám sát bên A đồng ý. Khi thi công trong mùa hè, mùa khô, mùa mưa phải đảm bảo đủ độ ẩm cho vữa đông kết bằng cách nhúng nước gạch trước khi xây hoặc dùng vữa có độ dẻo cao. Chất lượng vữa phải được kiểm tra bằng thí nghiệm lấy ngay tại nơi trộn vữa.

- Khối xây phải tạo thành một khối đặc chắc, ngang bằng các hàng, thẳng đứng của mặt bên và vuông góc. Trong khối xây không được trùng mạch, các

mạch xây phải dày vữa, chiều dày mạch vữa phải tuân thủ quy định theo tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4085-2011.

- Trong khối xây các hàng ngang phải là những viên gạch nguyên. Độ sai lệch của khối phải nhỏ hơn giới hạn cho phép của tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4085-2011.

- Không được va chạm mạnh, không được đặt vật liệu, tựa dụng cụ và đi lại trực tiếp lên khối xây đang thi công, khối xây còn mới.

- Chỗ giao nhau, chỗ nối tiếp của khối xây phải thi công đồng thời, khi tạm ngừng xây phải để mở giạt, không cho phép để mở nanh hoặc mở hốc trong tường chịu lực.

- Trong quá trình xây phải chú ý chừa sẵn các lỗ, rãnh đường ống nước, thông hơi theo yêu cầu thiết kế. Những chỗ không quy định không được để lỗ làm yếu khối xây.

- Khối xây phải được nghiệm thu đạt yêu cầu kỹ thuật mới được chuyển sang công tác hoàn thiện trát khối xây. Nội dung nghiệm thu theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 4085-2011.

k. Sơn

- Sơn được sử dụng phải phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - TCXDVN 9404-2012.

- Để đảm bảo tuổi thọ, chất lượng trang trí cao, sơn cần thỏa mãn các yêu cầu sau: sơn phải mau khô (không muộn hơn 24h sau khi sơn), sơn có tính co giãn tốt, có độ bền cơ học cao, chịu được va chạm, bền với thời gian, thời tiết, bền với tác dụng của tia tử ngoại, có tính bám dính cao, có bề mặt, màu sắc phù hợp, tuân thủ yêu cầu thiết kế.

- Với những bề mặt, vị trí làm việc, môi trường sử dụng... đặc biệt như: cách điện, cách âm, chịu ẩm ướt, không ngấm nước, bền nhiệt, bền hóa học, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường... sẽ phải tuân theo yêu cầu chỉ định của thiết kế.

- Bề mặt khi sơn phải đảm bảo: cạo sạch sơn cũ (nếu có), sạch rỉ, lau, thổi sạch bụi, tẩy rửa sạch vết dầu mỡ. Bề mặt, đối tượng sơn phải khô để tránh phồng, rộp bề mặt sơn. Quầy đều sơn trước khi sơn, lớp sơn trước phải khô mới sơn lớp tiếp theo.

- Trình tự sơn: Làm sạch bề mặt - Sơn lớp nền - Sơn lớp lót - Sơn bề mặt - Đánh bóng, tạo chất bề mặt (nếu có yêu cầu, chỉ định của thiết kế) - Hoàn thiện, vệ sinh bề mặt sản phẩm.

l. Gỗ

- Công trình sử dụng vật liệu gỗ có độ khó, mang tính mỹ thuật cao, cần phải chọn lựa nhà thầu có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

- Vật liệu gỗ thi công phải là gỗ Lim già, gỗ không dính bìa, giác... đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 1072-1971; TCVN 1073-1971; TCVN 1074-1971; TCVN 5773-1991; TCXD 192-1996...

- Không sử dụng gỗ có mắt, sâu, nứt trên bề mặt các cấu kiện chạm khắc.

- Trước khi lắp dựng, hoàn thiện công trình, các cấu kiện nào không đảm bảo phải loại bỏ ngay.

- Nhà thầu thi công hạng mục công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Gỗ thi công là gỗ Lim loại I, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chất lượng.

- Các kết cấu gỗ hệ khung được sơ chế các chi tiết liên kết mộng và lỗ mộng, sau đó sẽ sà m đóng với nhau để kiểm tra độ chắc chắn, căn chỉnh kín, khít. Khi thấy đảm bảo kỹ mỹ thuật mới tiến hành gia công tinh, giữa gọt để tránh không bị trầy xước trong quá trình thi công. Không sử dụng chất kết dính, đinh... để hàn gắn, nối cấu kiện.

- Phải có phương án thi công phù hợp tính chất, khối lượng và kích thước của cấu kiện. Tuân thủ yêu cầu kỹ thuật đã đặt ra, nhân công thực hiện có trình độ chuyên môn phù hợp, quá trình thi công phải được giám sát ghi nhận bằng nhật ký, hồ sơ.

- Việc chạm khắc các hoa văn trên cấu kiện là công đoạn sau cùng, đòi hỏi sự tỉ mỉ, kỹ lưỡng. Trước khi đục chạm phải thể hiện trên mặt gỗ các nét vẽ theo thiết kế (lấy đường 1:1). Các cấu kiện khi đục phải được kê chắc chắn để tránh sai lệch, gãy các hoa văn, không gây mất an toàn lao động...

- Hệ mái như: thượng lương, hoành, rui... được tạo tác sau cùng, chế tạo đến đâu đạt yêu cầu đến đấy. Xếp gọn gàng theo thứ tự từng loại cấu kiện để dễ dàng lấy ra khi lắp dựng.

- Mỗi chi tiết, cấu kiện khi đã gia công xong đều được lấy dấu theo ký hiệu để khi lắp dựng tránh sai sót, nhầm lẫn vị trí.

- Tất cả các cấu kiện gỗ trong quá trình tạo tác phải được gia công trong các lán, trại được che mưa nắng để tránh bị ảnh hưởng điều kiện nắng mưa của tự nhiên. Khi đã gia công thành thành phẩm được xếp kê lên trên các giá đỡ phù hợp trước khi đưa vào lắp dựng.

- Quy trình xử lý kỹ thuật cấu kiện gỗ: Mua lựa chọn gỗ theo quy cách đã hong khô - Xẻ gỗ thành khí - Gia công cấu kiện - Sấy khô cấu kiện (hong phơi, sấy cưỡng bức...) - Xử lý hóa chất bảo quản (chống thấm, chống mối mọt, rêu nấm mốc...) - Lắp dựng.

- Sấy hong phơi (thời gian lâu, phụ thuộc thời tiết, khó đạt yêu cầu kỹ thuật...) và sấy cưỡng bức (nhanh, đạt điều kiện kỹ thuật, công nghệ...) đều phải thỏa mãn

điều kiện tiêu chuẩn Việt Nam về gỗ: Độ ẩm ngoài không khí < 20%, khối lượng riêng trung bình 1.54g/cm³, hệ số dẫn nhiệt 0.14-0.26kCal/m°C.h, độ co ngót...

- Yêu cầu của công tác xử lý kỹ thuật - bảo quản: Khi cấu kiện hoàn toàn khô mới tiến hành các công tác khác, toàn bộ hợp chất sau khi sử lý phải có phương án thu gom và xử lý hợp lý tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Với phương pháp ngâm tẩm, là phương pháp ngâm cấu kiện gỗ trong dung dịch chất bảo quản để chất bảo quản ngấm vào trong thớ gỗ.

+ Lựa chọn các cấu kiện gỗ có thời gian ngâm tương đồng để không làm ảnh hưởng đến chất lượng cấu kiện.

+ Đưa cấu kiện gỗ vào bể ngâm, kích thước bể phụ thuộc vào kích thước cấu kiện cần xử lý.

+ Pha chế chất bảo quản đổ vào bể ngâm, dung dịch bảo quản phải ngập cao hơn bề mặt cấu kiện gỗ 10cm.

+ Thời gian ngâm tùy thuộc hóa chất sử dụng, biện pháp ngâm, cấu kiện ngâm... Trong thời gian ngâm phải khuấy đều hóa chất ngâm để tránh bị lắng thuốc. Sau khi ngâm đủ thời gian cần thiết tháo dung dịch ra khỏi bể ngâm tiến hành xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường.

+ Chuyển cấu kiện gỗ đến nơi tập kết (lán, trại, nhà bảo quản...) để hong khô.

+ Cấu kiện xếp cách nhau tối thiểu 20cm, đủ không gian, thuận tiện cho các thao tác kỹ thuật khác.

- Với phương pháp phun quét, là phương pháp làm cho hóa chất bảo quản ngấm vào trong thớ gỗ bằng phương pháp phun, quét dung dịch hóa chất lên bề mặt cấu kiện.

+ Bọc vật liệu bằng vật liệu hút ẩm, phun đều hóa chất lên bề mặt dưới dạng sương mù cho đến khi lớp vật liệu hút ẩm bọc ngoài no đầy dung dịch hóa chất.

+ Ủ tiếp ra ngoài lớp vật liệu hút ẩm một lớp vật liệu không thấm nước để hạn chế việc thuốc bốc hơi. Thời gian ủ và số lần ủ tuân thủ theo yêu cầu bảo quản, thuốc bảo quản...

+ Sau khi hoàn thành quá trình phun ủ, chuyển cấu kiện đến nơi tập kết: kho, lán trại, nhà bảo quản...

+ Cấu kiện xếp cách nhau tối thiểu 20cm, đủ không gian, thuận tiện cho các thao tác kỹ thuật khác.

m. Vữa truyền thống - Nề ngõa

- Công trình mang tính mỹ thuật cao, cần phải chọn lựa nhà thầu, đội thợ có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

- Yêu cầu phải sử dụng vữa truyền thống, làm đúng quy trình để đáp các họa tiết trang trí như: Đầu đao, kim nóc, con giống, hoa lá... Vữa truyền thống có độ dẻo tốt, thời gian khô chậm thuận tiện cho việc tạo hình các họa văn, họa tiết trang trí. Khi khô vữa truyền thống chịu được sự thay đổi đột ngột của thời tiết và có độ dai lớn. Vữa đắp truyền thống có khả năng giảm thiểu sự phát triển của rêu, nấm, mốc trên các họa văn họa tiết trang trí.

+ Tạo khung chịu lực cho mẫu vật: khung bê tông, sợi thép, dây đay, khung tre... tạo hình theo cốt mẫu vật. Khung phải đảm bảo chịu lực trong quá trình thi công.

+ Tạo cốt hiện vật bằng vữa truyền thống đắp lên hệ khung chịu lực. Giai đoạn này cần vữa có khả năng chịu lực cao, thành phần vữa cơ bản gồm: vôi tuyết, dây đay, mật mía, phụ gia chống thấm...

+ Tạo lớp vỏ bằng vữa truyền thống đắp lên lớp cốt để tạo hình hiện vật. Giai đoạn này cần loại vữa mịn hơn, thành phần bao gồm: vôi tuyết, giấy bản, mật mía, phụ gia chống thấm, chống rêu mốc...

+ Hoàn thiện các chi tiết trang trí trên bề mặt hiện vật. Giai đoạn này yêu cầu vữa mịn, dẻo và có khả năng chống rêu mốc cao, thành phần cơ bản bao gồm: vôi tuyết, giấy bản, mật mía, muối.

- Mẫu vật có thể được gia công dưới mặt đất rồi đem lắp, gắn vào đúng vị trí trên bộ phận kiến trúc của công trình.

n. Đá gia công mỹ thuật

- Công trình sử dụng vật liệu đá tự nhiên có độ khó, mang tính mỹ thuật cao, cần phải chọn lựa nhà thầu có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

- Đá gia công có cường độ cao, có màu xanh sẫm, ghi nhạt, ghi sẫm, xám... không rạn nứt, không có các đường gân chỉ, phong hóa... Lựa chọn lô đá cùng mỏ đá, cùng lô, cùng ngày sản xuất.

- Tất cả các cấu kiện đá sau khi gia công đều được tư vấn giám sát và thiết kế nghiệm thu mới được phép đưa vào lắp dựng.

- Nhân lực gia công có tay nghề cao, có kinh nghiệm về chế tác các cấu kiện đá mỹ nghệ.

- Các cấu kiện đá gia công xong phải đảm bảo yêu cầu về kích thước, hình dáng và có tính mỹ thuật cao. Tùy thuộc vào từng vị trí, đề tài trang trí... đường chạm khắc phải sắc nét, rõ ràng đồng thời phải mềm mại thanh thoát, độ nông sâu khác biệt, thể hiện chất cảm bề mặt tốt (trơn láng, sần, mịn, bóng...).

- Trước khi lắp tiến hành kiểm tra các kích thước, độ phẳng của bề mặt, vệ sinh sạch vị trí ghép nối, mộng đá, chốt liên kết... Tuyệt đối không để cấu kiện nứt, sứt vỡ rồi hàn gắn, nối vá.

VIII. CHỈ TIÊU ĐỐI VỚI THIẾT KẾ KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI

1. CÁC TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG KHI LẬP DỰ ÁN

Tiêu chuẩn bản vẽ thiết kế:

- TCVN 2:1974 - Hệ thống tài liệu thiết kế. Khô giấy.
- TCVN 3:1974 - Hệ thống tài liệu thiết kế. Tỷ lệ.
- TCVN 4:1993 - Ký hiệu bằng chữ của các đại lượng.
- TCVN 5:1978 - Hệ thống tài liệu thiết kế. Hình biểu diễn, hình chiếu, hình cắt, mặt cắt.
- TCVN 7:1993 - Ký hiệu vật liệu.
- TCVN 8:1993 - Các nét vẽ.
- TCVN 6077:2012 - Bản vẽ nhà và công trình dân dụng. Ký hiệu quy ước các trang thiết bị kỹ thuật.
- TCVN 6078:1995 - Bản vẽ nhà và công trình xây dựng. Bản vẽ lắp ghép các kết cấu chế sẵn.
- TCVN 6079:1995 - Bản vẽ xây dựng và kiến trúc. Cách trình bày bản vẽ. Tỷ lệ.
- TCVN 6080:2012 - Bản vẽ xây dựng. Phương pháp chiếu.
- TCVN 6081:1995 - Bản vẽ nhà và công trình xây dựng. Thể hiện các tiết diện trên mặt cắt và mặt nhìn. Nguyên tắc chung.
- TCVN 6083:2012 - Bản vẽ kỹ thuật - Bản vẽ xây dựng - Nguyên tắc chung về trình bày bản vẽ bố cục chung và bản vẽ lắp ghép.
- TCVN 6084:1995 - Bản vẽ xây dựng - Thể hiện cốt thép bê tông.
- TCVN 6085:1995 - Bản vẽ kỹ thuật - Bản vẽ xây dựng - Nguyên tắc chung để lập bản vẽ thi công các kết cấu chế sẵn.
- TCXD 214:1998 - Bản vẽ kỹ thuật. Hệ thống ghi mã và trích dẫn cho bản vẽ xây dựng và các tài liệu có liên quan.

Tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc:

- TCVN 3905:1984 - Nhà ở và nhà công cộng. Thông số hình học.
- TCVN 4319:2012 - Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
- TCXD 13:1991 - Phân cấp nhà và công trình dân dụng. Nguyên tắc chung.
- QCVN 01:2019 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia quy hoạch xây dựng.

- Các tiêu chuẩn liên quan khác.

Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu:

- | | |
|------------------------------------|---|
| - TCVN 2737:2023 | - Tải trọng và tác động. |
| - TCVN 9362:2012 | - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình. |
| - TCVN 5718:1993 | - Mái và sàn BTCT trong công trình xây dựng - Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCVN 5574:2012 | - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCVN 5573:2011 | - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCVN 5575:2024 | - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế |
| - TCVN 6522:2008 | - Thép tấm kết cấu cán nóng. |
| - TCVN 9379-2012 | - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán. |
| - TCXDVN 9386-1:2012 | - Thiết kế công trình chịu động đất - Quy định chung |
| - TCXDVN 9386-2:2012 | - Thiết kế công trình chịu động đất - Nền móng, tường chắn và các vấn đề về địa kỹ thuật. |
| - Các tiêu chuẩn khác có liên quan | |

Tiêu chuẩn thiết kế điện:

- | | |
|-------------------|--|
| - TCVN 2238:1978 | - Môi trường lắp đặt thiết bị điện - Định nghĩa chung. |
| - TCVN 4756:1989 | - Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện. |
| - 11TCN-18-2006 | - Quy phạm trang bị điện. Phần I: Quy định chung. |
| - 11TCN-19-2006 | - Quy phạm trang bị điện. Phần II: Hệ thống đường dẫn điện. |
| - 11TCN-21-2006 | - Quy phạm trang bị điện. Phần IV: Bảo vệ và tự động. |
| - TCXD 16:1986 | - Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng. |
| - TCXDVN 333:2005 | - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCXD 9207:2012 | - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCXD 9206:2012 | - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế. |

- TCXDVN 7447 (14 TCVN) - Hệ thống lắp đặt điện hạ áp.
- TCVN 185:1996 - Hệ thống tài liệu thiết kế. Ký hiệu bằng hình vẽ trên sơ đồ điện, thiết bị điện và dây dẫn trên mặt bằng.
- TCXDVN 259:2001 - Kỹ thuật chiếu sáng. Phương pháp tính toán chiếu sáng.
- Quy phạm trang bị điện do Bộ Công nghiệp ban hành năm 2006:11TNC-18-2006 đến 11TNC-21-2006.

Tiêu chuẩn thiết kế cấp, thoát nước:

- TCXD 33:2006 - Cấp nước. Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5673: 2012 - Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng. Cấp thoát nước bên trong. Hồ sơ BVTC.
- TCVN 13606:2023 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế
- Quy chuẩn Xây dựng Việt nam - Quyết định số 682/BXD - CSXD.
- Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình. Ban hành kèm theo quyết định số 47/1999/QĐ-BXD, ngày 21/12/1999.

Tiêu chuẩn hệ thống chữa cháy:

- TCXD 218:1998 - Hệ thống phát hiện cháy và báo động cháy. Quy định chung.
- TCVN 5760:1993 - Hệ thống chữa cháy. Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.
- TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 3890:2023 - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.
- TCVN 3991:2012 - phòng cháy trong thiết kế xây dựng thuật ngữ - định nghĩa
- TCVN 5040:1990 -Thiết bị phòng cháy và chữa cháy-Kí hiệu hình vẽ dùng trên sơ đồ phòng cháy-Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 6160:1996 - Phòng cháy và chữa cháy nhà cao tầng - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 6101:1990 - Hệ thống chữa cháy bằng khí CO2.
- TCVN 6102:1995 - Chất chữa cháy bột.

- TCVN 6103:1996
 - TCVN 5738:2021
 - động - yêu cầu kỹ thuật.
 - TCVN 5279:1990
 - TCVN 7336:2003
 - kỹ thuật.
 - TCVN 6379:1998
 - kỹ thuật.
 - TCVN 7336:2003
 - thiết kế.
 - TCVN 7161:2002
 - và thiết kế hệ thống.
 - TCVN 7278:2003
 - TCVN 7435:2004
 - TCVN 377:2006
 - Tiêu chuẩn thiết kế.
- PCCC - Thuật ngữ.
 - Phòng cháy chữa cháy - hệ thống báo cháy tự
 - An toàn cháy nổ - Bụi cháy - Yêu cầu chung.
 - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước - Yêu cầu
 - Thiết bị chữa cháy, trụ nước chữa cháy - Yêu cầu
 - PCCC, hệ thống Sprinkler tự động - Yêu cầu
 - Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý
 - Chất chữa cháy - Chất tạo bọt chữa cháy.
 - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy.
 - Hệ thống cấp khí đốt trung tâm trong nhà ở -

Tiêu chuẩn chống sét:

- TCVN 9385:2012
- thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- Tiêu chuẩn chống sét an toàn Quốc gia Pháp NF C17-102/1995 (Tham khảo).

Tiêu chuẩn thiết kế phòng chống môi mọt:

- TCXD 204:1998 Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống môi cho công trình xây dựng mới.
- Thuốc phòng chống môi được sử dụng theo QĐ 31/2006/QĐ-BNN ngày 27/04/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Định mức áp dụng theo QĐ 221/1998/QĐ/BNN-XDCB ngày 31/12/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Tiêu chuẩn TCVN 7958 - 2008 về Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống môi cho công trình xây dựng mới.
- Thông tư số 10/2012/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2012 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép, hạn chế và không được phép sử dụng ở Việt Nam.
- Quyết định 501/QĐ-BNN-BVTC ngày 12/02/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất

chlorpyrifos ethyl và fipronil ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;

2. THIẾT KẾ KIẾN TRÚC

Hạng mục xây mới phải đảm bảo về hình thức kiến trúc hài hòa chung với kiến trúc truyền thống tổng thể, đảm bảo thiết kế phù hợp với công năng sử dụng của công trình cũng như vị trí và dây chuyền công năng chung của tổng thể. Hình thức kiến trúc truyền thống.

3. VẬT LIỆU SỬ DỤNG CHÍNH

- Bê tông, cốt thép là thành phần kết cấu chịu lực chính trong công trình được đảm bảo kỹ thuật và có thí nghiệm mẫu khi sử dụng.

- Gỗ sử dụng tương đồng trong việc tu bổ, tôn tạo các hạng mục trong di tích là gỗ Lim Lào. Gỗ không bị giác, bìa, không sử dụng gỗ non, không sử dụng gỗ có mắt, sâu, nứt trên bề mặt chạm khắc.

- Gạch lát nền là gạch Bát có kích thước 300x300x50 mm, ngói mũi hài đảm bảo cường độ chịu lực và độ hút nước. Các con giống đắp bờ nóc, bờ chảy sử dụng vữa truyền thống.

- Đá xanh sử dụng là loại đá xanh nguyên khối có màu xanh xẫm, đảm bảo chất lượng và cường độ chịu lực.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TU BỒ, TÔN TẠO DI TÍCH

1. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

2.1. Đánh giá tác động môi trường khi thực hiện dự án:

Mặc dù quy mô của dự án không lớn, khu vực di tích có chất lượng môi trường tương đối tốt do ở đây không có các hoạt động công nghiệp, không có chất thải độc hại. Không khí có chất lượng tốt, trong lành, không bị ô nhiễm nhưng cũng không tránh khỏi được những tác động sau:

- Ô nhiễm do bụi đất, đá... tác động trực tiếp đến công nhân thi công công trình và các công trình hiện có ở xung quanh khu vực.

- Ô nhiễm khói thải từ các phương tiện vận tải và thi công. Nguồn ô nhiễm này có ảnh hưởng không lớn do môi trường thoáng rộng.

- Ô nhiễm tiếng ồn do phương tiện vận tải và máy thi công gây ra.

- Ô nhiễm nước thải sinh hoạt của công nhân trực tiếp thi công, từ các khu tập kết vật liệu.

- Tai nạn lao động có thể xảy ra với công nhân trong quá trình xây dựng.

- Chất thải rắn như: Đất, đá, cát, cốt pha, sắt thép vụn trong quá trình thi công xây dựng.

Thực tế tác động trên là tất yếu và khó tránh khỏi của công trường xây dựng. Tuy nhiên, chủ đầu tư, ban quản lý dự án và đơn vị thi công cần áp dụng các biện pháp để hạn chế tích cực nhằm giảm nhẹ ô nhiễm tới môi trường và có biện pháp bảo vệ sức khoẻ và an toàn lao động cho công nhân và nhân dân quanh vùng.

2.2 Các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường:

Với những ảnh hưởng tác động trên tuy không lớn nhưng việc quan tâm đúng mức nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu tới môi trường luôn phải được đặt lên hàng đầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, một số giải pháp cần được quan tâm nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường thiên nhiên cũng như môi trường sinh hoạt của người dân như sau:

- Hạn chế thi công vào các giờ cao điểm.

- Hạn chế tối đa sự rơi vãi, thất thoát vật liệu xây dựng, vật liệu phá dỡ từ các công trình. Các phương tiện chuyên chở cần được che phủ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Chất thải, rác thải chủ yếu của dự án là chất thải sinh hoạt và rác thải xây dựng. Việc tập kết, thu gom phải được thực hiện đúng quy trình, tránh để các chất độc hại tồn tại và gây ảnh hưởng tới môi trường, cảnh quan của khu vực triển khai dự án.

- Trong khi vận chuyển vật liệu, các phương tiện phải có che đậy và tưới nước để không gây bụi trên đường.

- Để giảm tiếng ồn cần kiểm tra bảo dưỡng phương tiện thường xuyên.

- Các giải pháp thi công cần được lựa chọn tránh ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Một số giải pháp được kiến nghị áp dụng như sau:

- Thi công và hoàn chỉnh các phần việc trên từng khu vực một.

- Các phương tiện vận chuyển không được chất tải quá thùng xe và phải có bạt che đậy theo quy định.

- Tưới nước mặt đường những nơi có phương tiện vận chuyển chạy qua.
- Không sử dụng thiết bị thi công quá thời hạn để tránh gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn quá lớn.
- Trong khi thi công các công việc làm đất, trộn bê tông sẽ phát sinh rất nhiều bụi cần phải tưới nước trên bề mặt để giảm thiểu tối đa ô nhiễm. Vật liệu xây dựng rời nhất là xi măng phải đựng trong các xilô kín.
- Trong khi thi công, các phương tiện máy móc gây tiếng ồn lớn phải hoạt động thận trọng để khỏi ảnh hưởng tới các khu vực dân cư xung quanh. Tại các khu vực không bằng phẳng, các phương tiện xe vận chuyển phải giảm tốc độ đảm bảo an toàn.
- Khu trộn bê tông: Các thống kê cho thấy mức độ tiếng ồn lớn nhất ở khoảng cách 15m là 90DBA và mức độ tiếng ồn ở khoảng cách xa hơn có thể xác định bằng cách sử dụng quy luật: cứ 6DBA cho 2 lần khoảng cách, nếu khu trộn bê tông hoạt động trong phần lớn thời gian trong ngày thì nên bố trí ít nhất là 150m cách đối tượng bị ảnh hưởng.
- Công tác đất: Công tác thi công yêu cầu một số chủng loại máy móc như: Gầu xúc, máy kéo, máy ủi, xe tải... Mỗi loại có thể gây ra độ ồn tới 90DBA ở khoảng cách 15m. Hạn chế hoạt động cùng một lúc nhiều máy có khả năng gây ồn lớn.
- Nâng cao việc quản lý chất lượng xây dựng cũng như việc bảo hộ lao động đúng với quy định, hạn chế tối đa các tai nạn lao động xảy ra.

Dù tác động trên là tất yếu và khó tránh khỏi trên các công trường xây dựng nhưng việc thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm phải được thực hiện triệt để sao cho dự án từ khi triển khai đến khi hoàn thành luôn góp phần cải tạo điều kiện vi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường quanh vùng.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO TRÌ, BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH SAU KHI HOÀN THÀNH DỰ ÁN

1. PHƯƠNG ÁN BẢO TRÌ, BẢO VỆ DI TÍCH

Căn cứ:

- Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Nội dung bảo trì và quy trình bảo trì (Bê tông, đá, đá ốp lát, keo liên kết, thiết bị điện, nước, gỗ...)

Nhằm ngăn chặn sự xuống cấp của công trình sau khi bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng phải thực hiện các hoạt động kiểm tra theo các thời điểm sau:

- Kiểm tra thường xuyên: Để phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp.

- Kiểm tra định kỳ: Mời các tổ chức, chuyên gia chuyên ngành có năng lực phù hợp thực hiện theo yêu cầu kiểm tra của chủ đầu tư và chủ quản lý sử dụng. Thời gian kiểm tra định kì: 3 năm/lần. Sau khi có kết quả kiểm tra định kỳ, tùy theo thực trạng chất lượng của công trình, chủ đầu tư, chủ quản lý quyết định cấp bảo trì phù hợp.

- Kiểm tra đột xuất (Kiểm tra bất thường): Tiến hành ngay sau khi có sự cố bất thường: Lũ bão, va chạm lớn, động đất... Công việc này phải do các chuyên gia và tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

Do đặc thù của công trình, chủ yếu sử dụng vật liệu, đá tự nhiên, bê tông cốt thép, thép, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước... nên việc bảo trì tiến hành theo đúng quy trình cho các loại vật liệu chủ yếu nêu trên: đá tự nhiên, bê tông cốt thép và hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước, kết cấu công trình... bằng các quy định, quy chuẩn hiện hành.

Đánh giá về mức độ nguy hiểm kết cấu nhà, theo TCXDVN 373-2006.

Đánh giá về tình trạng nhà và công trình xây gạch đá TCXDVN 270-2002.

Với vật liệu đá tự nhiên bảo trì theo các quy định hiện hành, theo TCVN 4085-2011.

Vật liệu BTCT, kết cấu BTCT, hướng dẫn công tác bảo trì theo TCVN 4453-1995, TCVN 9343-2012.

Điện chiếu sáng bảo trì theo các quy định hiện hành, theo TCXD 25-1991, TCXD 27-1991.

Với hệ thống thoát nước bảo trì theo các quy định hiện hành, theo TCVN 4519-1988.

...

2. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ KHU DI TÍCH

- UBND xã Duyên Hà và UBND huyện Thanh Trì cùng các sở ban ngành liên quan có chủ trương, chương trình hành động, đề án... cụ thể về bảo tồn văn hóa truyền thống. Phát huy lòng tự hào, trách nhiệm, truyền thống uống nước nhớ nguồn tốt đẹp của dân tộc. Đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và kinh tế, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy và phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa, nguồn viện trợ... khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư,

phát huy có hiệu quả các hoạt động của khu di tích. Xác định rõ ràng văn hóa là nền tảng của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, công tác tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết, trách nhiệm của xã hội, cá nhân trong công tác bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (Đài truyền hình, đài tiếng nói, báo chí...) xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về bảo tồn, phát triển văn hóa.

- Liên tục thay đổi trong cách quảng bá, phổ biến rộng rãi hình ảnh, tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn cho các chương trình hoạt động của khu di tích. Gắn kết khu di tích với các điểm di tích lịch sử cách mạng, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn thiên nhiên... quanh vùng. Luôn là điểm dừng chân trong các Tour du lịch (ngắn ngày, dài ngày), trong các hành trình du lịch khám phá, trong các hành trình về cội nguồn...

- Quan tâm, đầu tư, phát triển những yếu tố phụ trợ, hỗ trợ, tương tác với khu di tích như: nơi nghỉ chân (khu nghỉ dưỡng, khách sạn...), hệ thống thông tin liên lạc (truyền hình, internet, sách ảnh, biển quảng cáo...), hệ thống giao thông (đường giao thông, bus, busline...), dịch vụ du lịch (công ty du lịch, hướng dẫn viên...).

- Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn di sản văn hóa. Thực hiện việc tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nhất là ở cấp cơ sở để nâng cao nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ về bảo tồn di tích, văn hóa dân tộc. Đào tạo nhân lực nòng cốt cho ban quản lý khu di tích.

- Xây dựng chương trình hoạt động, sự kiện, lễ hội, biểu diễn văn hóa nghệ thuật... cấp tỉnh, vùng và quốc gia định kỳ hàng năm. Khu di tích phải có kế hoạch, về duy tu, chống xuống cấp thường xuyên, tổ chức sự kiện, hoạt động phát huy các truyền thống tốt đẹp.

- Kết nối, lồng ghép các chương trình về bảo tồn di tích với chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Thanh Trì nói riêng và cả nước thành phố Hà Nội nói chung.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho việc bảo tồn khu di tích. Khuyến khích thế trẻ trực tiếp tham gia các hoạt động ý nghĩa nhằm phát huy mục tiêu giáo dục truyền thống.

- Nâng cao ý thức bản thân, lòng tự hào, trách nhiệm của nhân dân. Đặt quyền lợi lên hàng đầu cho người dân, nhất là người dân sinh sống xung quanh khu di tích, gắn liền trách nhiệm với quyền lợi của họ.

- Xây dựng quy chế hoạt động của khu di tích, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ ban quản lý khu di tích và giám sát hoạt động của khu di tích.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá. Hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các hoạt động của khu di tích. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và điều chỉnh các nội dung triển khai phù hợp với điều kiện thực tế theo từng thời điểm. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái ở khu vực.

XI. DỰ TOÁN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN TU BỒ DI TÍCH

1. HÌNH THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN

- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị quản lý dự án
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần Kiến trúc Xây dựng Nam Hồng Hà;
- Đơn vị tư vấn giám sát: Đơn vị có năng lực phù hợp;

Theo Luật Đấu thầu và các Văn bản hướng dẫn hiện hành; Nhà thầu phải có năng lực chuyên môn về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa theo quy định của Pháp luật;

- Đơn vị thầu thi công: Theo Luật Đấu thầu và các Văn bản hướng dẫn hiện hành; Nhà thầu phải có năng lực chuyên môn về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa theo quy định của Pháp luật.

2. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

a. Căn cứ lập dự toán kinh phí:

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2023;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Căn cứ Định mức dự toán bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích theo quyết định số 13/2004/QĐ-BVHTT ngày 01/4/2004 của Bộ Văn hoá Thông tin;

- Tham khảo suất đầu tư một số công trình có tính chất tương tự;

b. Tổng mức đầu tư

Tổng mức vốn đầu tư (làm tròn): 43.533.060.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	34.565.328.596	đồng
- Chi phí QLDA:	881.045.013	đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng:	2.648.853.226	đồng
- Chi phí khác:	626.625.336	đồng
- Chi phí dự phòng:	4.811.207.673	đồng

c. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND Thành phố;

- Nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện bố trí phần kinh phí còn lại để hoàn thành dự án.

XII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Năm 2024-2026.

XIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đình Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì là di tích lịch sử văn hoá có giá trị của Hà Nội, di tích là nơi thờ tự tín ngưỡng của nhân dân trong vùng. Với hiện trạng của di tích như hiện nay, cộng thêm các yếu tố khách quan khiến cho di tích ngày càng xuống cấp. Việc Dịch chuyên và tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan, xã Duyên Hà là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm khôi phục tu bổ, tôn tạo nên một di tích thật sự có giá trị cao về mặt kiến trúc, cảnh quan truyền thống, đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân.

Mặt khác, việc Dịch chuyên và tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan – xã Duyên Hà gắn liền trong tổng thể của một làng quê truyền thống, có một ý nghĩa thiết thực không chỉ trong việc bảo tồn di sản mà còn thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, tôn vinh các giá trị lịch sử, văn hóa của địa phương.

2. KIẾN NGHỊ

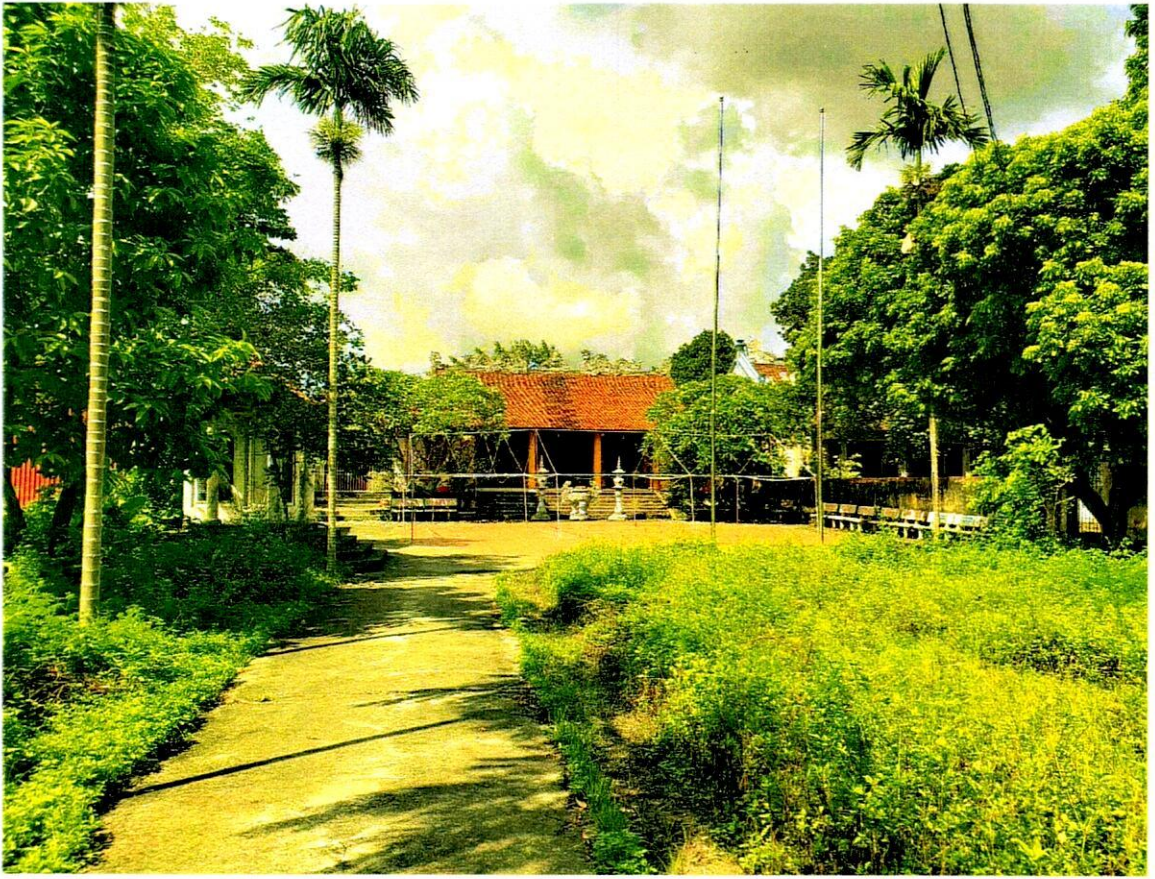
Việc Dịch chuyển và tu bổ, tôn tạo đình Đại Lan, xã Duyên Hà là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Kính đề nghị các cấp chính quyền, các Sở, Ban, Ngành có liên quan tạo điều kiện để dự án sớm triển khai, gìn giữ lâu dài một di tích có giá trị về nhiều mặt, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân địa phương.

ẢNH HỆ TRẠNG

Hiện trạng tổng thể sân vườn















Hiện trạng đình Đại Lan









